**Phụ lục II**

**BỘ MẪU HƯỚNG DẪN**

 *(Kèm theo Quyết định số /QĐ-VHL ngày tháng năm 2024*

*của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam)*

**DANH MỤC MẪU HƯỚNG DẪN**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Số TT**  | **Tên văn bản** | **Ký hiệu** | **Trang** |
| 1 | Quyết định công nhận nhóm nghiên cứu xuất sắc | Mẫu 1 | 2 |
| 2 | Đề xuất nhiệm vụ | Mẫu 2 | 4 |
| 3 | Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký chủ nhiệm nhiệm vụ | Mẫu 3 | 5 |
| 4 | Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký là thành viên chính và chuyên gia của nhiệm vụ thuộc Chương trình phát triển nhóm nghiên cứu xuất sắc tại Viện Hàn lâm KHCNVN (*Dùng cho các cá nhân thuộc sự quản lý của đơn vị đăng ký chủ trì*) | Mẫu 4 | 7 |
| 5 | Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký là thành viên chính và chuyên gia của nhiệm vụ thuộc Chương trình phát triển nhóm nghiên cứu xuất sắc tại Viện Hàn lâm KHCNVN (*Dùng cho các cá nhân không thuộc sự quản lý của đơn vị đăng ký chủ trì*) | Mẫu 4.1 | 9 |
| 6 | Giấy xác nhận tham gia thực hiện nhiệm vụ | Mẫu 4.2 | 11 |
| 7 | Cam kết của các thành viên chính với Trưởng nhóm về việc tham gia nhóm nghiên cứu | Mẫu 5 | 13 |
| 8 | Kết quả tiếp nhận đề xuất | Mẫu 6 | 14 |
| 9 | Phiếu đánh giá mức độ ưu tiên triển khai các nhiệm vụ | Mẫu 6A | 15 |
| 10 | Bảng tổng hợp mức độ ưu tiên triển khai các nhiệm vụ  | Mẫu 6B | 16 |
| 11 | Hồ sơ đăng ký thực hiện  | Mẫu 7 | 17 |
| 12 | Đơn đăng ký | Mẫu 8 | 19 |
| 13 | Thuyết minh nhiệm vụ  | Mẫu 9 | 20 |
| 14 | Kế hoạch triển khai nhiệm vụ | Mẫu 10 | 24 |
| 15 | Tóm tắt hoạt động khoa học và công nghệ của đơn vị đăng ký chủ trì nhiệm vụ | Mẫu 11 | 47 |
| 16 | Giấy xác nhận phối hợp thực hiện nhiệm vụ | Mẫu 11A | 48 |
| 16 | Phiếu nhận xét Hồ sơ đăng ký thực hiện nhiệm vụ  | Mẫu 12 | 49 |
| 17 | Phiếu đánh giá Hồ sơ đăng ký thực hiện nhiệm vụ  | Mẫu 13 | 51 |
| 18 | Biên bản tổng hợp kết quả đánh giá Hồ sơ đăng ký thực hiện nhiệm vụ | Mẫu 14 | 53 |
| 20 | Hồ sơ nhiệm vụ  | Mẫu 15 | 54 |
| 21 | Báo cáo định kỳ tình hình thực hiện nhiệm vụ | Mẫu 16 | 57 |
| 22 | Đơn đề nghị điều chỉnh | Mẫu 17 | 59 |
| 23 | Báo cáo quyết toán | Mẫu 18 | 61 |
| 24 | Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện hỗ trợ nhóm nghiên cứu xuất sắc | Mẫu 19 | 63 |
| 25 | Phiếu nhận xét kết quả nhiệm vụ  | Mẫu 20 | 66 |
| 26 | Phiếu đánh giá kết quả nhiệm vụ | Mẫu 21 | 68 |
| 27 | Biên bản tổng hợp kết quả xếp loại nhiệm vụ | Mẫu 22 | 71 |

**Mẫu 1**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VN**Tên đơn vị** Số: /QĐ- |  | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc *Hà Nội, ngày tháng năm 20..* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công nhận nhóm nghiên cứu xuất sắc thuộc ........(tên đơn vị nghiên cứu)**

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

*Căn cứ Quyết định số /QĐ-VHL ngày tháng năm 20.. của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam về việc ban hành Quy định quản lý các nhiệm vụ thuộc Chương trình phát triển nhóm nghiên cứu xuất sắc
tại Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam;*

*Căn cứ Quyết định số /QĐ-VHL ngày tháng năm 20.. của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của......... (ghi tên đơn vị nghiên cứu);*

*Căn cứ Biên bản họp của Hội đồng tư vấn khoa học của ....... (tên đơn vị) ngày tháng năm 202.. ;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý tổng hợp.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công nhận nhóm nghiên cứu xuất sắc về ......(*tên nhóm nghiên cứu*) thuộc ........ (ghi tên đơn vị nghiên cứu) gồm các thành viên chính (danh sách kèm theo quyết định).

**Điều 2**. Cử TS. …..là trưởng nhóm nghiên cứu.

**Điều 3.** Trưởng nhóm nghiên cứu xuất sắc về ......(*tên nhóm nghiên cứu*) chịu trách nhiệm điều hành nhóm nghiên cứu theo định hướng dài hạn, chịu trách nhiệm trước (Thủ trưởng đơn vị) về các hoạt động của nhóm nghiên cứu.

**Điều 4.** Trưởng phòng Quản lý tổng hợp, Trưởng nhóm và các thành viên chính của nhóm nghiên cứu chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như Điều 4; - Lưu: VT. | **THỦ TRƯỞNG** |

**DANH SÁCH**

**Nhóm nghiên cứu xuất sắc thuộc nhóm nghiên cứu về........**

(*Kèm theo Quyết định số ngày tháng năm 202..)*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Họ và tên | Năm sinh | Học hàm, học vị | Chức danh khoa học | Đơn vị |
| 1 |  |  |  | Trưởng nhóm nghiên cứu |  |
| 2 |  |  |  | Thành viên chính |  |
| 3 |  |  |  |  |  |
|  | .......... |  |  |  |  |

**Mẫu 2**

**ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ**

**CẤP VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
THUỘC CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN NHÓM NGHIÊN CỨU XUẤT SẮC**

**I. Thông tin về nhóm nghiên cứu và đơn vị chủ trì:**

1. Tên nhóm nghiên cứu..........

2. Họ tên chủ nhiệm nhiệm vụ - Trưởng nhóm nghiên cứu:............

Chức danh khoa học: ......... Năm sinh:..........

Email: ..................... Điện thoại di động:..............

3. Đơn vị công tác:.........................

Địa chỉ:.........................

**II. Cam kết của Trưởng nhóm nghiên cứu và đơn vị đề xuất**

1. Trưởng nhóm nghiên cứu đề xuất nhiệm vụ cam kết đủ điều kiện đăng ký nhiệm vụ KHCN thuộc chương trình phát triển nhóm nghiên cứu xuất sắc tại Viện Hàn lâm KHCNVN.

2. Đơn vị đề xuất cam kết đủ điều kiện đăng ký chủ trì nhiệm vụ KHCN thuộc chương trình phát triển nhóm nghiên cứu xuất sắc tại Viện Hàn lâm KHCNVN.

**III. Thông tin về đề xuất**

1. Tên nhiệm vụ: …

 *Tên tiếng Anh: …*

2. Lĩnh vực, hướng KHCN của nhiệm vụ: ….

3. Tính cấp thiết, yêu cầu và sự cần thiết tiến hành nhiệm vụ: …

4. Mục tiêu của nhiệm vụ: …

5. Những nội dung nghiên cứu chủ yếu: …

6. Những sản phẩm dự kiến: …

- Sản phẩm nghiên cứu và phát triển công nghệ: (*Ghi rõ số lượng, khối lượng, qui cách và chủng loại*)

- Công bố: (*Ghi rõ số lượng bài báo dự kiến đăng*)

* Sở hữu trí tuệ: (*Ghi rõ số lượng bằng độc quyền sáng chế*)

- Đào tạo: (*Ghi rõ số lượng tiến sỹ, thạc sỹ dự kiến sẽ hỗ trợ đào tạo*)

7. Thời gian thực hiện (từ ..... đến .....):

8. Kinh phí dự kiến: … triệu đồng

 ....., ngày ... tháng ... năm ...

|  |  |
| --- | --- |
| **Thủ trưởng đơn vị đề xuất** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* | **Cá nhân đề xuất** *(ký, ghi rõ họ tên)* |

*Ghi chú:*  Đề xuất đề tài cần trình bày xúc tích trong khoảng 3-4 trang A4

**Mẫu 3**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **LÝ LỊCH KHOA HỌC Của cá nhân đăng ký chủ nhiệm nhiệm vụ thuộc Chương trình phát triển nhóm nghiên cứu xuất sắc** **tại Viện Hàn lâm KHCVN** **I. Thông tin chung về cá nhân:**1. Họ và tên:2. Ngày, tháng, năm sinh:3. Nam, Nữ:4. Địa chỉ:5. Điện thoại:6. E-mail:7. Fax:8. Chức vụ:9. Cơ quan công tác:10. Lĩnh vực nghiên cứu *(Liêt kê các lĩnh vực đã và đang thực hiện)*: **II. Trình độ đào tạo:**1. Trình độ chuyên môn:- Học vị:- Năm bảo vệ:- Chuyên ngành:- Học hàm:- Năm được phong:2. Các khóa học chuyên môn khác đã hoàn thành: (tên khóa học, thời gian và nơi đào tạo).3. Các đề tài, dự án đã chủ trì hoặc tham gia trong 3 năm gần đây liên quan đến nhiệm vụ tuyển chọn.4. Các thành tích nghiên cứu trong 3 năm gần đây liên quan đến nhiệm vụ:- Giải thưởng KHCN:- Các công trình đã công bố, sách xuất bản (*đối với công bố quôc tế cần ghi rõ được xếp hạng nào trong* *danh mục tạp chí khoa học của Scimago hay Web of Science)* :

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên công trình** | **Tên tác giả** (*ghi đầy đủ tên tác giả, hoặc các tác giả chính*) | **Tên tạp chí, tập, số, trang, năm công bố** | **Xếp hạng (***theo**Scimago/Web of Science***)** | **Ghi chú (***tác giả chính/đồng tác giả***)** |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |

- Đào tạo: - Sở hữu trí tuệ (bằng sáng chế, giải pháp hữu ích,…):Tôi cam kết chịu trách nhiệm đảm bảo số ngày công/tháng thù lao theo năm của minh theo quy định của pháp luật./......, ngày ... tháng ... năm ... |
| **Xác nhận của đơn vị đăng ký chủ trì***(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* | **Cá nhân đăng ký chủ nhiệm nhiệm vụ***(Ký, ghi rõ họ tên)* |

**Mẫu 4**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **LÝ LỊCH KHOA HỌC Của cá nhân đăng ký là thành viên chính và chuyên gia của nhiệm vụ thuộc Chương trình phát triển nhóm nghiên cứu xuất sắc tại Viện Hàn lâm KHCNVN**(*Dùng cho các cá nhân thuộc sự quản lý của đơn vị đăng ký chủ trì*)**A. Thông tin về nhiệm vụ** - Tên nhiệm vụ: Mã số nhiệm vụ:\*- Lĩnh vực KHCN: - Đơn vị đăng ký chủ trì: - Cá nhân đăng ký chủ nhiệm:- Thời gian thực hiện:**B. Thông tin về cá nhân tham gia****I. Thông tin chung**1. Họ và tên:2. Ngày, tháng, năm sinh:3. Nam, Nữ:4. Địa chỉ:5. Điện thoại:6. Email:7. Fax:8. Chức vụ:9. Cơ quan công tác:10. Lĩnh vực nghiên cứu *(Liêt kê các lĩnh vực đã và đang thực hiện)*:**II. Trình độ đào tạo**1. Trình độ chuyên môn:- Học vị:- Năm bảo vệ:- Chuyên ngành:- Học hàm:- Năm được phong:2. Các khóa học chuyên môn khác đã hoàn thành: (tên khóa học, thời gian và nơi đào tạo).3. Các đề tài, dự án đã chủ trì hoặc tham gia trong 3 năm gần đây liên quan đến nhiệm vụ tuyển chọn.4. Các thành tích nghiên cứu trong 3 năm gần đây liên quan đến nhiệm vụ:- Giải thưởng KHCN:- Các công trình đã công bố, sách xuất bản (*đối với công bố quôc tế cần ghi rõ được xếp hạng nào trong* *danh mục tạp chí khoa học của Scimago hay Web of Science)*:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên công trình** | **Tên tác giả** (*ghi đầy đủ tên tác giả, hoặc các tác giả chính*) | **Tên tạp chí, tập, số, trang, năm công bố** | **Xếp hạng (***theo**Scimago/Web of Science***)** | **Ghi chú** (*tác giả chính/đồng tác giả*) |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |

- Đào tạo: - Sở hữu trí tuệ (bằng sáng chế, giải pháp hữu ích):- Đăng ký nhãn hiệu hàng hóa: **C. Nội dung công việc tham gia** trong nhiệm vụ (*và kinh phí tương ứng*) của cá nhân tham gia thực hiện đã được thể hiện trong bản Kế hoạch triển khai nhiệm vụ của Hồ sơ đăng ký thực hiện nhiệm vụ gửi Chủ tịch Viện Hàn lâm KHCNVN.**D. Cam kết**Khi thực hiện, chúng tôi cam đoan sẽ hoàn thành những thủ tục pháp lý do Chủ tịch Viện Hàn lâm KHCNVN hướng dẫn về nghĩa vụ và quyền lợi của mỗi bên để thực hiện tốt nhất và đúng thời hạn mục tiêu, nội dung và sản phẩm của nhiệm vụ.Tôi cam kết chịu trách nhiệm đảm bảo số ngày công/tháng thù lao theo năm của minh theo quy định của pháp luật./......, ngày ... tháng ... năm ... |
| **Xác nhận của thủ trưởng đơn vị quản lý***(Xác nhận, ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* | **Cá nhân đăng ký là thành viên chính***(Ký, ghi rõ họ tên)* |

\* Mã số được cấp sau khi có quyết định phê duyệt của Chủ tịch Viện

**Mẫu 4.1**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **LÝ LỊCH KHOA HỌC Của cá nhân đăng ký là thành viên chính và chuyên gia của nhiệm vụ thuộc Chương trình phát triển nhóm nghiên cứu xuất sắc tại Viện Hàn lâm KHCNVN**(*Dùng cho các cá nhân không thuộc sự quản lý của đơn vị đăng ký chủ trì*)**A. Thông tin về nhiệm vụ** - Tên nhiệm vụ: Mã số nhiệm vụ:\*- Lĩnh vực KHCN: - Đơn vị đăng ký chủ trì: - Cá nhân đăng ký chủ nhiệm:- Thời gian thực hiện:**B. Thông tin về cá nhân tham gia****I. Thông tin chung**1. Họ và tên:2. Ngày, tháng, năm sinh:3. Nam, Nữ:4. Địa chỉ:5. Điện thoại:6. Email:7. Fax:8. Chức vụ:9. Cơ quan công tác:10. Lĩnh vực nghiên cứu (*(Liêt kê các lĩnh vực đã và đang thực hiện)*:) **II. Trình độ đào tạo**1. Trình độ chuyên môn:- Học vị:- Năm bảo vệ:- Chuyên ngành:- Học hàm:- Năm được phong:2. Các khóa học chuyên môn khác đã hoàn thành: (tên khóa học, thời gian và nơi đào tạo).3. Các đề tài, dự án đã chủ trì hoặc tham gia trong 3 năm gần đây liên quan đến nhiệm vụ tuyển chọn.4. Các thành tích nghiên cứu trong 3 năm gần đây liên quan đến nhiệm vụ:- Giải thưởng KHCN:- Các công trình đã công bố, sách xuất bản (*đối với công bố quôc tế cần ghi rõ được xếp hạng nào trong* *danh mục tạp chí khoa học của Scimago hay Web of Science)*:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên công trình** | **Tên tác giả** (*ghi đầy đủ tên tác giả, hoặc các tác giả chính*) | **Tên tạp chí, tập, số, trang, năm công bố** | **Xếp hạng (***theo**Scimago/Web of Science***)** | **Ghi chú** (*tác giả chính/đồng tác giả*) |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |

- Đào tạo: - Sở hữu trí tuệ (bằng sáng chế, giải pháp hữu ích):- Đăng ký nhãn hiệu hàng hóa: **C. Nội dung công việc tham gia** trong nhiệm vụ (*và kinh phí tương ứng*) của cá nhân tham gia thực hiện đã được thể hiện trong bản Kế hoạch triển khai nhiệm vụ của Hồ sơ đăng ký thực hiện nhiệm vụ gửi Chủ tịch Viện Hàn lâm KHCNVN.**D. Cam kết**Khi thực hiện, chúng tôi cam đoan sẽ hoàn thành những thủ tục pháp lý do Chủ tịch Viện Hàn lâm KHCNVN hướng dẫn về nghĩa vụ và quyền lợi của mỗi bên để thực hiện tốt nhất và đúng thời hạn mục tiêu, nội dung và sản phẩm của nhiệm vụ.Tôi cam kết chịu trách nhiệm đảm bảo số ngày công/tháng thù lao theo năm của minh theo quy định của pháp luật./......, ngày ... tháng ... năm ... |
| **Xác nhận của thủ trưởng đơn vị quản lý***(Xác nhận, ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*Đơn vị đồng ý và sẽ dành thời gian cần thiết để Ông/Bà ... tham gia thực hiện nhiệm vụ: ....... | **Cá nhân đăng ký là thành viên chính***(Ký, ghi rõ họ tên)* |

\* Mã số được cấp sau khi có quyết định phê duyệt của Chủ tịch Viện

**Mẫu 4.2**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **GIẤY XÁC NHẬN Tham gia thực hiện nhiệm vụ thuộc Chương trình phát triển nhóm nghiên cứu xuất sắc tại Viện Hàn lâm KHCNVN1**(*Dùng cho các cá nhân không thuộc sự quản lý của đơn vị đăng ký chủ trì*)**A. Thông tin về đề tài** - Tên nhiệm vụ: Mã số nhiệm vụ:\*- Lĩnh vực KHCN: - Đơn vị đăng ký chủ trì: - Cá nhân đăng ký chủ nhiệm:- Thời gian thực hiện:**B. Thông tin về cá nhân tham gia****I. Thông tin chung**1. Họ và tên:2. Ngày, tháng, năm sinh:3. Nam, Nữ:4. Địa chỉ:5. Điện thoại:6. Email:7. Fax:8. Chức vụ:9. Cơ quan công tác:10. Lĩnh vực nghiên cứu *(Liêt kê các lĩnh vực đã và đang thực hiện)*:**II. Trình độ đào tạo**1. Trình độ chuyên môn:- Học vị:- Năm bảo vệ:- Chuyên ngành:- Học hàm:- Năm được phong:2. Các khóa học chuyên môn khác đã hoàn thành (tên khóa học, thời gian và nơi đào tạo):3. Các đề tài, dự án đã chủ trì hoặc tham gia trong 5 năm gần đây liên quan đến đề tài tuyển chọn.4. Các thành tích nghiên cứu trong 5 năm gần đây liên quan đến nhiệm vụ:- Giải thưởng KHCN:- Các công trình đã công bố, sách xuất bản (*đối với công bố quôc tế cần ghi rõ được xếp hạng nào trong* *danh mục tạp chí khoa học của Scimago hay Web of Science)*:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên công trình** | **Tên tác giả** (*ghi đầy đủ tên tác giả, hoặc các tác giả chính*) | **Tên tạp chí, tập, số, trang, năm công bố** | **Xếp hạng** (*theo**Scimago/Web of Science*) | **Ghi chú** (*tác giả chính/đồng tác giả*) |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |

- Đào tạo: - Sở hữu trí tuệ (bằng sáng chế, giải pháp hữu ích):- Đăng ký nhãn hiệu hàng hóa: **C. Nội dung công việc tham gia** trong đề tài (*và kinh phí tương ứng*) của cá nhân tham gia thực hiện đã được thể hiện trong bản Kế hoạch triển khai nhiệm vụ của Hồ sơ đăng ký thực hiện nhiệm vụ gửi Chủ tịch Viện Hàn lâm KHCNVN.**D. Cam kết**Khi thực hiện, chúng tôi cam đoan sẽ hoàn thành những thủ tục pháp lý do Chủ tịch Viện Hàn lâm KHCNVN hướng dẫn về nghĩa vụ và quyền lợi của mỗi bên để thực hiện tốt nhất và đúng thời hạn mục tiêu, nội dung và sản phẩm của đề tài.Tôi cam kết chịu trách nhiệm đảm bảo số ngày công/tháng thù lao theo năm của minh theo quy định của pháp luật./......, ngày ... tháng ... năm 202... |
| **Xác nhận của thủ trưởng đơn vị quản lý/địa phương***(Xác nhận, ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*Đơn vị đồng ý và sẽ dành thời gian cần thiết để Ông/Bà ... tham gia thực hiện nhiệm vụ3: ....... | **Cá nhân tham gia***(Ký, ghi rõ họ tên)* |

*Hướng dẫn:*

1 Đơn vị chủ trì có thể sử dụng mẫu này để quản lý cá nhân tham gia không thuộc đơn vị mình.

2 Mã số được cấp sau khi có quyết định phê duyệt của Chủ tịch Viện.

3 Bỏ dòng này đối với nghiên cứu sinh tham gia thực hiện nhiệm vụ.

**Mẫu 5**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VN**TÊN ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ** |  | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc*........., ngày…. tháng… năm ..…*  |

**BẢN CAM KẾT**

1. Tên cá nhân đăng ký là thành viên chính của nhóm nghiên cứu:

2. Đơn vị:

3. Tên đề xuất/nhiệm vụ: Mã số nhiệm vụ:\*

4. Thuộc Chương trình:

5. Thời gian thực hiện: từ tháng …. năm …. đến tháng…. năm …

6. Cam kết của cá nhân đăng ký là thành viên chính:

 Nếu được tham gia nhóm nghiên cứu, tôi cam kết sẽ tuân thủ sự phân công công tác nghiên cứu theo điều hành của trưởng nhóm để cùng triển khai các hoạt động nghiên cứu theo định hướng nghiên cứu của nhóm đã xây dựng.

Nếu không thực hiện cam kết trên, tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm và chịu mọi hình thức xử lý theo quy định/.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thủ trưởng đơn vị đăng ký chủ trì** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |  |  **Cá nhân đăng ký là thành viên chính***(Ký, ghi rõ họ tên)* |

*\* Mã số nhiệm vụ được cấp sau khi có quyết định phê duyệt của Chủ tịch Viện.*

**Mẫu 6**

|  |  |
| --- | --- |
| **VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC****VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Hà Nội, ngày tháng năm 20…* |

**KẾT QUẢ TIẾP NHẬN ĐỀ XUẤT**

**Nhiệm vụ hạng I/hạng II thuộc Chương trình phát triển nhóm nghiên cứu xuất sắc tại Viện Hàn lâm KHCNVN**

Số lượng nhiệm vụ: ...

| **STT** | **Tên nhiệm vụ** | **Cá nhân, đơn vị đề xuất nhiệm vụ** | **Kinh phí (tr.đ)** | **Thời gian thực hiện** | **Công văn giới thiệu** | **Quyết định công nhận nhóm nghiên cứu** | **Báo cáo định hướng nghiên cứu dài hạn** | **Đề xuất nhiệm vụ** | **Lý lịch KH của chủ nhiệm và thành viên chính** | **Cam kết của các thành viên chính với Trưởng nhóm** | **Biên bản họp HĐTV** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **I** |  **Nhiệm vụ hạng I** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Nhận xét |  |  |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Nhận xét |  |  |  |  |  |  |  |
| **II** | **Nhiệm vụ hạng II** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Nhận xét |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | *Hà Nội, ngày tháng năm 20...*Người rà soát |

**Mẫu 6A**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC |  | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM |
| **VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM** |  | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  |  |  |
|  |  | *Hà Nội, ngày tháng năm 20* |

#### PHIẾU ĐÁNH GIÁ

**Mức độ ưu tiên triển khai các nhiệm vụ hạng I/hạng II thuộc Chương trình phát triển nhóm nghiên cứu xuất sắc tại Viện Hàn lâm KHCNVN**

*Số lượng đề xuất:*

| **TT** | **Tên nhiệm vụ** | **Chủ nhiệm nhiệm vụ, đơn vị chủ trì** | **Mức độ ưu tiên** |
| --- | --- | --- | --- |
| **A** | **B** | **C** | **D (Không triển khai)** |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  | **Thành viên Hội đồng***(Ký, ghi rõ họ tên)* |

**Mẫu 6B**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC |  | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM |
| **VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM** |  | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  |  |  |
|  |  | *Hà Nội, ngày …. tháng ….. năm 20…* |

#### BẢNG TỔNG HỢP

**Mức độ ưu tiên triển khai các nhiệm vụ hạng I/hạng II thuộc Chương trình phát triển nhóm nghiên cứu xuất sắc tại Viện Hàn lâm KHCNVN**

 *(Dùng cho Hội đồng tư vấn xác định danh mục nhiệm vụ)*

*Số lượng đề xuất:*

| **TT** | **Tên nhiệm vụ** | **Chủ nhiệm nhiệm vụ, đơn vị chủ trì** | **Mức độ ưu tiên** |
| --- | --- | --- | --- |
| **A** | **B** | **C** | **D (Không triển khai)** |
| **1.**  |  |  |  |  |  |  |
| **2.** |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Thư ký Hội đồng** | **Chủ tịch Hội đồng**  |

**Mẫu 7**

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

**VIỆN ..................................................**

**HỒ SƠ ĐĂNG KÝ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ**

**THUỘC CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN NHÓM NGHIÊN CỨU XUẤT SẮC TẠI VIỆN HÀN LÂM KHCNVN**

**Tên nhiỆm vỤ**

**PHÁT TRIỂN NHÓM NGHIÊN CỨU XUẤT SẮC (*ghi rõ hạng*) VỀ..**

Loại: ..............

Cá nhân đăng ký **c**hủ nhiệm nhiệm vụ:.................................................

Đơn vị đăng ký chủ trì nhiệm vụ: ..........................................................

.........., …./20…

Hồ sơ đăng ký thực hiện nhiệm vụ thuộc Chương trình phát triển nhóm nghiên cứu xuất sắc gồm:

**Quyển I. Hồ sơ đăng ký (do đơn vị đăng ký chủ trì nhiệm vụ phê duyệt)**

Quyển I gồm các văn bản:

**-** Đơn đăng ký (mẫu 8);

**-** Thuyết minh nhiệm vụ (mẫu 9) **(không quá 30 trang)**.

**Quyển II. Kế hoạch triển khai (do đơn vị chủ trì nhiệm vụ phê duyệt)**

Quyển II gồm kế hoạch triển khai nhiệm vụ (mẫu 10) và các văn bản phục vụ việc xây dựng kế hoạch triển khai nhiệm vụ:

- Tóm tắt hoạt động KHCN của đơn vị đăng ký chủ trì nhiệm vụ (mẫu 11);

 - Báo cáo định hướng nghiên cứu dài hạn của nhóm nghiên cứu;

- Quyết định của đơn vị về việc công nhận nhóm nghiên cứu xuất sắc (Mẫu 1);

- Lý lịch khoa học của trưởng nhóm, các thành viên chính và chuyên gia (Mẫu 3 mẫu 4 và mẫu 4.1);

- Văn bản xác nhận của các cơ quan, cá nhân đồng ý tham gia phối hợp thực hiện nhiệm vụ (Mẫu 11A (*nếu tên cơ quan đã được đề cập trong mục “10. Hoạt động của các tổ chức phối hợp thực hiện nhiệm vụ” của Kế hoạch triển khai nhiệm vụ)* và mẫu 4.2 *(nếu tên cá nhân có trong mục “12. Danh sách các thành viên thực hiện nhiệm vụ” của Kế hoạch triển khai nhiệm vụ nhưng không phải là thành viên chính/chuyên gia và không thuộc sự quản lý của đơn vị đăng ký chủ trì nhiệm vụ*));

- Cam kết của các thành viên chính với Trưởng nhóm về việc tham gia nhóm nghiên cứu (Mẫu 5);

7/ Các văn bản khác (khả năng huy động thêm nguồn vốn, ...) (nếu có).

\*\*Hồ sơ đóng thành quyển theo thứ tự các mục như trên.

**Mẫu 8**

|  |
| --- |
| **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **ĐƠN ĐĂNG KÝ** **Thực hiện nhiệm vụ thuộc Chương trình phát triển nhóm nghiên cứu xuất sắc tại Viện Hàn lâm KHCNVN**Kính gửi: Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt NamCăn cứ Quy định quản lý Chương trình phát triển nhóm nghiên cứu xuất sắc tại Viện Hàn lâm KHCNVN (Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-VHL ngày / /2024 của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam), chúng tôi:a) ................................... ................................... ...................................(*tên, địa chỉ của đơn vị đăng ký chủ trì*)b) ................................... ................................... ................................... (*Họ và tên, học vị, học hàm, chức vụ, địa chỉ cán bộ đăng ký tham gia*)Xin đăng ký đơn vị chủ trì và cá nhân chủ nhiệm thực hiện nhiệm vụ ................................... ................................... ...................................Thuộc Chương trình phát triển nhóm nghiên cứu xuất sắc tại Viện Hàn lâm KHCNVN (Hạng ...), thời gian thực hiện ... tháng (từ tháng 01 năm 20... đến tháng 12 năm 20...)\*Hồ sơ đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ gồm:1/ Đơn Đăng ký2/ Thuyết minh nhiệm vụ3/ Kế hoạch triển khai nhiệm vụ......., ngày ... tháng ... năm ... |
| **Cán bộ đăng ký tham gia** *(Ký, ghi rõ họ tên)* | **Thủ trưởng đơn vị**  *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

\* Ghi rõ loại hỗ trợ (Hạng I/Hạng II)

**Mẫu 9**

**THUYẾT MINH**

**Nhiệm vụ hạng I/hạng II thuộc Chương trình phát triển nhóm nghiên cứu xuất sắc tại Viện Hàn lâm KHCNVN**

 **PHẦN I. THÔNG TIN CHUNG**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Tên nhiệm vụ: Phát triển nhóm nghiên cứu xuất sắc (*ghi rõ hạng*) về......Loại hỗ trợ: Mã số nhiệm vụ\*:  | 2. Thuộc Chương trình phát triển nhóm nghiên cứu xuất sắc tại Viện Hàn lâm KHCNVN |
| 3. Thời gian thực hiện: ... tháng(từ 01/20..... đến 6/20.....) | 4. Cấp quản lý: Viện Hàn lâm KHCNVN |

5. Kinh phí

Tổng số:

Trong đó, từ ngân sách SNKH:

5. Phương thức khoán chi *(chọn 1 trong 2 phương thức)*

|  |
| --- |
| □ Khoán chi đến sản phẩm cuối cùng |
| □ Khoán chi từng phần, trong đó:- Kinh phí được giao khoán: ………………. triệu đồng- Kinh phí không được giao khoán: ………. triệu đồng |

6. Chủ nhiệm nhiệm vụ:

- Họ và tên:

- Học hàm, học vị, chức danh khoa học:

- Chức vụ:

- Điện thoại: E-mail:

7. Đơn vị chủ trì:

- Điện thoại: Fax: E-mail:

- Địa chỉ:

**PHẦN II. Nội dung KHCN của nhiệm vụ**

7. Mục tiêu của nhiệm vụ

8. Tổng quan về hướng nghiên cứu của nhiệm vụ

*8.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu ngoài nước*

 *8.2. Tổng quan tình hình nghiên cứu trong nước*

 *8.3. Sự cần thiết phải triển khai hướng nghiên cứu*

9. Những nội dung thực hiện chính *(Tại mỗi nội dung, không cần trình bày chi tiết các công việc sẽ triển khai trong nội dung nhưng cần diễn giải chi tiết lý do triển khai nội dung này (Nội dung triển khai nhằm giải quyêt mục tiêu nào và để cho ra sản phầm gì))*

*Nội dung 1*

*Nội dung 2*

*…*

10. Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu và kỹ thuật sử dụng

*10.1. Cách tiếp cận*

*10.2. Phương pháp nghiên cứu và kỹ thuật sử dụng*

11. Hợp tác quốc tế thực hiện nhiệm vụ (nếu có)

12. Tiến độ thực hiện *(Tại mỗi nội dung, không cần trình bày chi tiết các công việc sẽ triển khai trong nội dung nhưng cần ghi rõ các kết quả dự kiến cần phải đạt được)*

| **STT** | **Nội dung** | **Sản phẩm phải đạt** | **Thời gian** |
| --- | --- | --- | --- |
| *1* | *Nội dung 1* |  |  |
| *2* | *Nội dung 2* |  |  |
|  | … |  |  |
|  | Nghiệm thu cấp Viện Hàn lâm, xử lý tài sản, quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ và thanh lý hợp đồng thực hiện nhiệm vụ | Để trống | 01/20… - 6/20… |

13. Sản phẩm nhiệm vụ

| **TT** | **Tên sản phẩm** | **Số lượng** | **Chỉ tiêu khoa học, chỉ tiêu kỹ thuật**  |
| --- | --- | --- | --- |
| *1* | *Sản phẩm nghiên cứu và phát triển công nghệ:* |  |  |
| 1.1 |  |  |  |
| ... |  |  |  |
| *2* | *Công bố:* |  |  |
| 2.1 | Công bố bài báo trên tạp chí quốc tế |  |  |
| 2.2 | Công bố bài báo trên tạp chí quốc gia |  |  |
| *3* | *Sở hữu trí tuệ:* |  |  |
| 3.1 |  |  |  |
| ... |  |  |  |
| *4* | *Đào tạo:* |  |  |
| 4.1 | Hỗ trợ đào tạo Tiến sĩ |  |  |
| 4.2 | Đào tạo Thạc sĩ |  |  |

14. Khả năng và phương thức ứng dụng kết quả của nhiệm vụ

15. Các tác động khác của kết quả của nhiệm vụ *(về đào tạo cán bộ, đối với lĩnh vực khoa học có liên quan, đối với sự phát triển KT-XH)*

**Phần III: Các tổ chức và cá nhân tham gia thực hiện nhiệm vụ**

16. Hoạt động của các tổ chức phối hợp thực hiện nhiệm vụ *(tên tổ chức, địa chỉ và nội dung công việc sẽ thực hiện trong nhiệm vụ)*

17. Liên kết với sản xuất, đời sống hoặc địa chỉ ứng dụng của các kết quả nhiệm vụ

18. Các thành phần tham gia thực hiện nhiệm vụ

Ngoài các thành phần do Viện Hàn lâm xem xét quyết định dưới đây, đơn vị chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ chủ động bố trí nhân lực để đảm bảo triển khai thực hiện thành công nhiệm vụ (thể hiện trong Kế hoạch triển khai nhiệm vụ do Viện Hàn lâm uỷ quyền cho đơn vị phê duyệt).

14.1. Danh sách thành viên thực hiện nhiệm vụ theo chức danh (*Chỉ đưa vào bảng dưới chủ nhiệm và thành viên chính của nhiệm vụ*)

| **TT** | **Họ và tên** | **Học hàm, học vị, chức danh khoa học** | **Trách nhiệm trong nhiệm vụ** | **Cơ quan công tác** | **Chữ ký** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |

14.2. Danh sách chuyên gia trong nước tham gia thực hiện (*Cần có lý lịch kèm theo*)

| **TT** | **Họ và tên, học hàm, học vị** | **Tên cơ quan công tác/ địa chỉ** | **Lĩnh vực chuyên môn** | **Nội dung thực hiện**  | **Thời gian thực hiện quy đổi****(tháng)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |

14.3. Danh sách chuyên gia nước ngoài tham gia thực hiện ( *Cần có lý lịch kèm theo*)

| **TT** | **Họ và tên, học hàm, học vị** | **Tên cơ quan công tác/ địa chỉ** | **Lĩnh vực chuyên môn** | **Nội dung thực hiện**  | **Thời gian thực hiện quy đổi****(tháng)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |

**Phần IV: Kinh phí thực hiện nhiệm vụ**

Tổng kinh phí thực hiện đề tài: .... tr.đ.

*(Các nhiệm vụ chọn phương thức khoán chi là “Khoán chi từng phần”: Sử dụng bảng này)*

 Đơn vị tính: Đồng

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mục chi** | **Hạng mục chi** | **Tổng số** |
| **A** |  | **Nội dung chi giao khoán** |  |
| 1 | 7000 | Thù lao thực hiện nhiệm vụ |  |
| 2 | 7000 | Chi giao khoán khác |  |
| 3 | 7750 | Chi phí quản lý chung |  |
| **B** |  | **Nội dung chi không giao khoán** |  |
| 1 | 6750 | Chi phí thuê tài sản trực tiếp tham gia thực hiện nghiên cứu(Thuê đất, nhà xưởng và thiết bị các loại) |  |
| 2 | 6800 | Chi đoàn ra |  |
| 3 | 6900 | Sửa chữa TSCĐ phục vụ trực tiếp NCKH cho đề tài/nhiệm vụ |  |
| 4 | 6950 | Tài sản hữu hình |  |
| 5 | 7000 | Chi mua nguyên, nhiên vật liệu, vật tư, phụ tùng chưa được NN ban hành định mức kinh tế kỹ thuật |  |
| 6 | 7050 | Tài sản vô hình |  |
|  |  | **Tổng cộng (A+B)**  |  |

*(Các đề tài chọn phương thức khoán chi là “Khoán chi đến sản phẩm cuối cùng”: Sử dụng bảng này)*

Đơn vị tính: Đồng

| **STT** | **Mục chi** | **Hạng mục chi** | **Tổng số** |
| --- | --- | --- | --- |
|  |  | **Nội dung chi giao khoán** |  |
| 1 | 7000 | Thù lao thực hiện nhiệm vụ |  |
| 2 | 7000 | Chi giao khoán khác |  |
| 3 | 7750 | Chi phí quản lý chung |  |
|  |  | **Tổng cộng**  |  |

Trong đó:

- Kinh phí cấp năm 202.. : ... tr.đ

- Kinh phí cấp năm 202.. : ... tr.đ

Nội dung chi tiết của nhiệm vụ được thể hiện trong Kế hoạch triển khai nhiệm vụ. Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam ủy quyền cho đơn vị chủ trì phê duyệt kế hoạch thực hiện nhiệm vụ trên cơ sở kinh phí từng hạng mục và tổng kinh phí được thể hiện chi tiết như trên đảm bảo theo đúng quy định

*…....., ngày ... tháng ... năm 20..*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thủ trưởng đơn vị***(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* | **Kế toán đơn vị***(Ký, ghi rõ họ tên)* | **Chủ nhiệm nhiệm vụ***(Ký, ghi rõ họ tên)* |

**Phê duyệt của Viện Hàn lâm KHCNVN**\*

\* Chỉ có dòng này khi gửi phê duyệt triển khai.

**Mẫu 10**

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

**TÊN ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ ..................................................**

**KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI**

**NHIỆM VỤ HẠNG I/HẠNG II1 THUỘC CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN NHÓM NGHIÊN CỨU XUẤT SẮC TẠI VIỆN HÀN LÂM KHCNVN**

**TÊN NHIỆM VỤ**

**PHÁT TRIỂN NHÓM NGHIÊN CỨU XUẤT SẮC (*ghi rõ hạng*) VỀ..**

Loại: ..............

Cá nhân đăng ký **c**hủ nhiệm nhiệm vụ:.................................................

Đơn vị đăng ký chủ trì nhiệm vụ: ..........................................................

.........., …./202…

*Hướng dẫn:*

1 Các tác giả lựa chọn một trong hai loại hình nhiệm vụ để kê khai cho chính xác.

**KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI**

**Nhiệm vụ hạng I/hạng II thuộc Chương trình phát triển nhóm nghiên cứu xuất sắc tại Viện Hàn lâm KHCNVN**

**Phần I: Thông tin chính về nhiệm vụ**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Tên nhiệm vụ: Phát triển nhóm nghiên cứu xuất sắc (*ghi rõ hạng*) về......Mã số nhiệm vụ:  | 2. Thuộc Chương trình phát triển nhóm nghiên cứu xuất sắc tại Viện Hàn lâm KHCNVN |
| 3. Thời gian thực hiện: ... tháng(từ 01/20..... đến 6/20.....) | 4. Cấp quản lý: Viện Hàn lâm KHCNVN |

5. Kinh phí

Tổng số:

Trong đó, từ ngân sách SNKH:

6. Phương thức khoán chi (chọn 1 trong 2 phương thức)

 Khoán chi đến sản phẩm cuối cùng

 Khoán chi từng phần, trong đó:

- Kinh phí được giao khoán: ………………. triệu đồng

- Kinh phí không được giao khoán: ………. triệu đồng

7. Chủ nhiệm nhiệm vụ:

- Họ và tên:

- Học hàm, học vị, chức danh khoa học:

- Chức vụ:

- Điện thoại: E-mail:

8. Đơn vị chủ trì:

- Điện thoại: Fax: E-mail:

- Địa chỉ:

9. Hợp tác quốc tế thực hiện nhiệm vụ (nếu có)

10. Hoạt động của các tổ chức phối hợp thực hiện nhiệm vụ *(tên tổ chức, địa chỉ và nội dung công việc sẽ thực hiện trong nhiệm vụ)*

9. Sản phẩm nhiệm vụ

| **TT** | **Tên sản phẩm** | **Số lượng** | **Chỉ tiêu khoa học, chỉ tiêu kỹ thuật**  | **Thời gian hoàn thành** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| *1* | *Sản phẩm nghiên cứu và phát triển công nghệ:* |  |  |  |
| 1.1 |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |
| *2* | *Công bố:* |  |  |  |
| 2.1 | Công bố bài báo trên tạp chí quốc tế |  |  |  |
| 2.2 | Công bố bài báo trên tạp chí quốc gia |  |  |  |
| *3* | *Sở hữu trí tuệ:* |  |  |  |
| 3.1 |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |
| *4* | *Đào tạo:* |  |  |  |
| 4.1 | Hỗ trợ đào tạo Tiến sĩ |  |  |  |
| 4.2 | Đào tạo Thạc sĩ |  |  |  |

**Phần II: Kế hoạch triển khai nhiệm vụ do đơn vị chủ trì được Viện Hàn lâm uỷ quyền phê duyệt**

10. Các nội dung triển khai *(Tại mỗi nội dung, cần liệt kê và mô tả chi tiết các công việc cần triển khai nhằm giải quyết các vấn đề và tạo ra sản phẩm theo đặt hàng)*

10.1. Nội dung 1. Tên nội dung *(trích từ thuyết minh đề tài đã được Viện Hàn lâm phê duyệt)*

a) Công việc 1.1. Tên công việc

…

10.2. Nội dung 2. Tên nội dung *(trích từ thuyết minh đề tài đã được Viện Hàn lâm phê duyệt)*

a) Công việc 2.1. Tên công việc

…

11. Tiến độ triển khai

| **STT** | **Nội dung** | **Sản phẩm phải đạt** | **Thời gian** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | Nội dung 1: Tên nội dung *(trích từ thuyết minh nhiệm vụ đã được Viện Hàn lâm phê duyệt)* |
|  | Liệt kê chi tiết các công việc của Nội dung 1 | Liệt kê chi tiết các sản phẩm cần đạt của các công việc của Nội dung 1 | Ghi rõ thời gian thực hiện của từng công việc của Nội dung 1 |
| 2 | Nội dung 2: Tên nội dung *(trích từ thuyết minh nhiệm vụ đã được Viện Hàn lâm phê duyệt)* |
|  | Liệt kê chi tiết các công việc của Nội dung 2 | Liệt kê chi tiết các sản phẩm cần đạt của các công việc của Nội dung 2 | Ghi rõ thời gian thực hiện của từng công việc của Nội dung 2 |
| … | Nội dung …: Tên nội dung *(trích từ thuyết minh nhiệm vụ đã được Viện Hàn lâm phê duyệt)* |
|  | Liệt kê chi tiết các công việc của Nội dung … | Liệt kê chi tiết các sản phẩm cần đạt của các công việc của Nội dung … | Ghi rõ thời gian thực hiện của từng công việc của Nội dung … |
|  | Nghiệm thu cấp Viện Hàn lâm, xử lý tài sản, quyết toán kinh phí thực hiện đề tài và thanh lý hợp đồng thực hiện đề tài | Để trống | 01/20… - 6/20… |

12. Danh sách các thành viên thực hiện nhiệm vụ

12.1. Danh sách thành viên thực hiện nhiệm vụ theo chức danh *(Tính theo ngày công lao động. Chủ nhiệm nhiệm vụ và các thành viên chính cần có lý lịch khoa học kèm theo)*

| **TT** | **Họ và tên***(Học hàm, học vị)* | **Trách nhiệm trong đề tài** | **Cơ quan công tác** | **Chữ ký** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | TS. Bùi Văn A | Chủ nhiệm đề tài |  |  |
| 2 | TS. Nguyễn Văn B | Thư ký khoa học |  |  |
| 3 | PGS. TS. Lê Thị C | Thành viên chính |  |  |
| ... |  | … |  |  |
| ... | ThS. Nguyễn Thị D | Thành viên  |  |  |
| ... |  | … |  |  |
| ... | KS. Nguyễn Thị E | Nhân viên kỹ thuật  |  |  |
| ... |  | … |  |  |
| ... | KS. Nguyễn Thị H | Nhân viên hỗ trợ  |  |  |
| ... |  | … |  |  |

 Lưu ý: Các học viên cao học và nghiên cứu sinh được tham gia thực hiện nhiệm vụ nếu nội dung nghiên cứu trong luận án phù hợp với nội dung nghiên cứu của nhiệm vụ

12.2. Danh sách chuyên gia trong nước tham gia thực hiện *(Danh sách chuyên gia trích từ thuyết minh đề tài đã được Viện Hàn lâm phê duyệt. Thời gian thực hiện tính theo ngày công hoặc tháng. Chuyên gia trong nước cần có lý lịch khoa học kèm theo)*

| **TT** | **Họ và tên***(Học hàm, học vị)* | **Tên cơ quan công tác/ địa chỉ** | **Nội dung thực hiện** | **Thời gian thực hiện** *(ngày công hoặc tháng)* | **Chữ ký** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | PGS. TS. . . . . . . . |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |

12.3. Danh sách chuyên gia nước ngoài tham gia thực hiện *(Danh sách chuyên gia trích từ thuyết minh đề tài đã được Viện Hàn lâm phê duyệt. Thời gian thực hiện tính theo ngày công hoặc tháng. Chuyên gia nước ngoài cần có lý lịch khoa học kèm theo)*

| **TT** | **Họ và tên***(Học hàm, học vị)* | **Tên cơ quan công tác nước ngoài/ địa chỉ** | **Nội dung thực hiện** | **Thời gian thực hiện** *(ngày công hoặc tháng)* | **Chữ ký** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | PGS. TS. . . . . . . . |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |

**13. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ**

Tổng kinh phí thực hiện nhiệm vụ: ........ tr.đ

**DỰ TOÁN**

*(- Các nhiệm vụ chọn phương thức khoán chi là “Khoán chi từng phần”: Sử dụng Dự toán 01 đính kèm.*

*- Các nhiệm vụchọn phương thức khoán chi là “Khoán chi đến sản phẩm cuối cùng”: Sử dụng Dự toán 02 đính kèm.)*

**DỰ TOÁN 01**

*(Dành cho đề tài/nhiệm vụ1 đề xuất phương thức khoán chi từng phần)*

**1. Căn cứ lập dự toán.**

*Các văn bản qui định định mức kinh tế - kỹ thuật do các Bộ, ngành ban hành và các chế độ, chính sách của nhà nước được sử dụng làm căn cứ để lập dự toán; trường hợp không có định mức kinh tế - kỹ thuật thì cần thuyết minh cụ thể, chi tiết căn cứ lập dự toán, yêu cầu có báo giá kèm theo. Các văn bản áp dụng có thể thay đổi theo hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước.*

Thông tư liên tịch số 27/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ KHCN sử dụng ngân sách nhà nước;

Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị;

Quyết định số 243/QĐ-VHL ngày 01/3/2023 của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam về việc ban hành Quy định định mức hệ số công lao động cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và chi quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, nhiệm vụ hỗ trợ phục vụ hoạt động khoa học và công nghệ cấp Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam;

Quyết định số 922/QĐ-VHL ngày 31/5/2023 của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam về việc ban hành Quy định thay đổi yêu cầu đối với chức danh thư ký khoa học của các nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam và định mức chi thù lao và hệ số lao động khoa học của các chức danh tham gia các nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam;

Quyết định số /QĐ-… ngày … / … / … của ...... về Quy chế chi tiêu nội bộ;

Các văn bản áp dụng khác.

- Báo giá số: ngày / / của........................... về ......................

**2. Tổng hợp dự toán.**

Tổng hợp dự toán theo Mục lục NSNN

 Đơn vị tính: Tr.đ

| **STT** | **Mục chi** | **Nội dung chi** | **Tổng số**  | **Chia ra các năm** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm 20…** | **Năm 20…** |
| **A** |  | **Nội dung chi giao khoán (1+2+3)*1*** |  |  |  |
| **1** | **7000** | Thù lao thực hiện đề tài/nhiệm vụ1 |  |  |  |
| *1.1* |  | *Thù lao thành viên thực hiện* |  |  |  |
| *1.2* |  | *Thuê chuyên gia trong nước* |  |  |  |
| *1.3* |  | *Thuê chuyên gia ngoài nước* |  |  |  |
| *1.4* |  | *Thuê lao động phổ thông* |  |  |  |
| **2** | ***7000*** | ***Chi giao khoán khác*** |  |  |  |
| 2.1 |  | Hội thảo khoa học |  |  |  |
| 2.2 |  | Tự đánh giá kết quả thực hiện đề tài/nhiệm vụ1 |  |  |  |
| 2.3 |  | Công tác phí |  |  |  |
| 2.4 |  | Hoạt động thuê ngoài phục vụ nghiên cứu  |  |  |  |
| 2.5 |  | Điều tra khảo sát phục vụ nghiên cứu |  |  |  |
| 2.6 |  | Chi mua nguyên, nhiên vật liệu, năng lượng, vật tư, phụ tùng đã được Nhà nước ban hành định mức kinh tế kỹ thuật; dụng cụ, vật rẻ tiền mau hỏng… |  |  |  |
| 2.7 |  | Chi đoàn vào |  |  |  |
| 2.8 |  | Chi phí khác theo quy định |  |  |  |
| ***3*** | ***7750*** | ***Chi phí quản lý chung1***  |  |  |  |
| **B** |  | **Nội dung chi không giao khoán** |  |  |  |
|  | 6750 | Chi phí thuê tài sản trực tiếp tham gia thực hiện nghiên cứu(Thuê đất, nhà xưởng và thiết bị các loại) |  |  |  |
|  | 6800 | Chi đoàn ra |  |  |  |
|  | 6900 | Sửa chữa TSCĐ phục vụ trực tiếp NCKH cho *đề tài/nhiệm vụ1* |  |  |  |
|  | 6950 | Tài sản hữu hình |  |  |  |
|  | 7000 | Chi mua nguyên, nhiên vật liệu, vật tư, phụ tùng chưa được NN ban hành định mức kinh tế kỹ thuật |  |  |  |
|  | 7050 | Tài sản vô hình |  |  |  |
|  |  | **Tổng cộng (A+B)**  |  |  |  |

**3. Giải trình các Mục chi.**

Chi tiết thù lao thực hiện đề tài/nhiệm vụ1= Cộng (3.1) + (3.2) + (3.3) + (3.4)

***3.1. Chi tiết thù lao của các nhóm chức danh thực hiện nhiệm vụ***

Định mức thù lao theo tháng (DMCTL): … tr.đ *(Chủ nhiệm nhiệm vụtự lựa chọn DMCTL cho phù hợp với quy mô của đề tài/nhiệm vụ1. DMCTL tối đa không quá 40 tr.đ)*

| **TT** | **Nội dung công việc** | **Hệ số lao động khoa học** | **Số người trong nhóm chức danh** | **Số tháng quy đổi của nhóm chức danh** | **Thù lao thực hiện đề tài/nhiệm vụ1 *(tr.đ)*** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm 20…** | **Năm 20…** | **Tổng số** | **Năm 20…** | **Năm 20…** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7=8+9* | *8=3\* DMCTL\*5* | *9=3\* DMCTL\*6* |
| 1 | **Nội dung 1:** …… (*tên nội dung*) …….Do thành viên chính TS. Bùi Văn A chủ trì thực hiện | **Tổng ND 1** | **Tổng ND 1** | **Tổng ND 1** |
| ***1.1*** | ***Công việc 1.1: .....*** *(tên công việc) ….* | ***Tổng CV 1.1*** | ***Tổng CV 1.1*** |  |
|  | - Thù lao thành viên chính  | 0,8 | 1 | X1 |  | Y1 | Y1 |  |
|  | - Thù lao nhóm thành viên  | 0,4 | … | X2 |  | Y2 | Y2 |  |
|  | - Thù lao nhóm kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ  | 0,2 | … | X3 |  | Y3 | Y3 |  |
| ***1.2*** | ***Công việc 1.2: .....*** *(tên công việc) ….* | ***Tổng CV 1.2*** |  | ***Tổng CV 1.2*** |
|  | - Thù lao thành viên chính  | 0,8 | 1 |  | X4 | Y4 |  | Y4 |
|  | - Thù lao nhóm thành viên  | 0,4 | … |  | X5 | Y5 |  | Y5 |
|  | - Thù lao nhóm kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ  | 0,2 | … |  | X6 | Y6 |  | Y6 |
| … | ***Công việc 1….: .....*** *(tên công việc) ….* |  |  |  |
|  | … |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** | **Nội dung 2:** …… (*tên nội dung*) …….Do thành viên chính TS. Nguyễn Văn B chủ trì thực hiện | **Tổng ND 2** | **Tổng ND 2** | **Tổng ND 2** |
| ***2.1*** | ***Công việc 2.1: .....*** *(tên công việc) ….* | ***Tổng CV 2.1*** | ***Tổng CV 2.1*** |  |
|  | - Thù lao thành viên chính  | 0,8 | 1 | X7 |  | Y7 | Y7 |  |
|  | - Thù lao nhóm thành viên  | 0,4 | … | X8 |  | Y8 | Y8 |  |
|  | - Thù lao nhóm kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ  | 0,2 | … | X9 |  | Y9 | Y9 |  |
| ***2.1*** | ***Công việc 2.2: .....*** *(tên công việc) ….* |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | … |  |  |  |  |  |  |  |
| … | ***Công việc 2….: .....*** *(tên công việc) ….* |  |  |  |
|  | … |  |  |  |  |  |  |  |
| **…** | **Nội dung …:** (*tên nội dung*) | **Tổng ND …** | **Tổng ND …** | **Tổng ND …** |
| … |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Thù lao của chủ nhiệm đề tài/nhiệm vụ1*(TLCN = 1,0 x DMCTL x 20% x T)* | 1 | 1 | 2,4 | 2,4 |  |  |  |
|  | Thù lao của thư ký khoa học*(TLTK = 0,3 x DMCTL x 20% x T)* | 0,3 | 1 | 2,4 | 2,4 |  |  |  |
|  | **Xây dựng thuyết minh và báo cáo tổng kết** | Nội dung công việc này do chủ nhiệm và thư ký khoa học của đề tài/nhiệm vụ1 thực hiện, đã được tính trong thù lao của chủ nhiệm và thư ký khoa học, không tính thù lao riêng. |
| **Tổng cộng** | **. . . . .** | **. . . . .** | **. . . . .** | **. . . . .** | **. . . . .** |

Bảng tổng hợp thù lao thực hiện đề tài/nhiệm vụ1theo chức danh

| **TT** | **Chức danh thực hiệnnhiệm vụ** | **Số tháng quy đổi theo nhóm chức danh** | **Thù lao thực hiện (tr.đ)** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tổng số** | **Năm 20…** | **Năm 20…** | **Tổng số** | **Năm 20…** | **Năm 20…** |
| 1 | Chủ nhiệm nhiệm vụ |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Thư ký khoa học |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Nhóm thành viên chính  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Nhóm thành viên  |  |  |  |  |  |  |
| 5 | Nhóm nhân viên kỹ thuật, nhân viên hỗ trợ  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng cộng** |  |  |  |  |  |  |

**Lưu ý:**

- Việc xác định số lượng thành viên tham gia thực hiện đề tài và số ngày công của từng thành viên do Chủ nhiệm đề tài đề xuất, hội đồng đánh giá/thẩm định kiến nghị để Viện Hàn lâm xem xét quyết định theo nguyên tắc: Đảm bảo đúng người, đúng việc, đủ thời gian để hoàn thành nội dung công việc được phân công và đạt đủ số lượng, chất lượng sản phẩm cần đạt của đề tài. Đảm bảo tối thiểu 90% số lượng thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ phải là cán bộ, công chức, viên chức thuộc Viện Hàn lâm quản lý.

- Tùy theo khả năng kinh phí, chức danh khoa học của các thành viên tham gia, đề tài có thể áp dụng hệ số thù lao theo tháng phù hợp nhưng không vượt quá mức áp dụng tối đa cho đề tài cấp Viện Hàn lâm KHCNVN theo quy định.

- Đơn vị chủ trì và chủ nhiệm đề tài trong quá trình triển khai thực hiện đề tài phải đảm bảo số ngày công/tháng thù lao theo năm của từng thành viên tham gia thực hiện đề tài theo quy định.

***3.2. Chi tiết tiền thuê chuyên gia trong nước***

 Đơn vị tính: đồng

| **TT** | **Họ và tên***(Học hàm, học vị)* | **Nội dung thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Số tiền** *(Tr.đ)* |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tổng số** | **Năm 20…** | **Năm 20…** |
| 1 | PGS. TS. . . . . . . . | . . . . . . . | . . . . . . . | . . . . . | . . . . . | . . . . . |
| 2 |  |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng cộng** | **. . . . .** | **. . . . .** | **. . . . .** |

**Lưu ý:**

- Chủ trì đề tài KH&CN căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ cho hội đồng tư vấn đánh giá xem xét, trình cơ quan có thấm quyền phê duyệt theo hợp đồng khoán việc. Các chuyên gia trong nước tham gia thực hiện đều có lý lịch khoa học kèm theo thuyết minh đề tài.

- Tổng chi thuê chuyên gia không vượt quá 30% tổng chi lao động trực tiếp.

- Dự toán chi thuê chuyên gia trong nước thực hiện theo mức lương quy định tại Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức lương với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước.

- Trường hợp đặc biệt (*mức chi chuyên gia lớn hơn định mức qui định*): Cơ quan chủ trì có Tờ trình riêng trình và Hội đồng KHCN có ý kiến bằng văn bản trình Chủ tịch Viện Hàn lâm xem xét quyết định.

- Chuyên gia cần có báo cáo kết quả cho từng nội dung công việc đã nhận.

***3.3. Chi tiết tiền thuê chuyên gia nước ngoài***

| **TT** | **Họ và tên***(Học hàm, học vị)* | **Nội dung** **thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Số tiền** *(Tr.đ)* |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tổng số** | **Năm 20…** | **Năm 20…** |
| 1 | PGS. TS. . . . . . . . | . . . . . . . | . . . . . . . | . . . . . | . . . . . | . . . . . |
| 2 |  |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng cộng** | **. . . . .** | **. . . . .** | **. . . . .** |

- Chủ trì nhiệm vụcăn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ kết quả của việc thuê chuyên gia, tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia cho hội đồng tư vấn đánh giá xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo hợp đồng khoán việc. Các chuyên gia nước ngoài tham gia thực hiện đều có lý lịch khoa học kèm theo thuyết minh đề tài/nhiệm vụ1.

- Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia ngoài nước không quá 50% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện đề tài KH&CN quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 03/TT-BTC ngày 10/01/2023.

- Trường hợp đặc biệt (*mức chi chuyên gia lớn hơn định mức qui định)* thì Viện Hàn lâm quyết định phê duyệt và chịu trách nhiệm sau khi có ý kiến bằng văn bản của Hội đồng thẩm định nội dung đề tài, dự án.

- Chuyên gia cần có báo cáo kết quả cho từng nội dung công việc đã nhận.

***3.4. Thù lao lao động phổ thông***

| **TT** | **Nội dung công việc/Kết quả dự kiến** | **Số lượng lao động phổ thông** | **Thời gian thực hiện** (tháng) | **Mức thù lao** *(tính theo mức lương tối thiểu vùng cao nhất)* | **Số tiền** *(Tr.đ)* |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tổng số** | **Năm 20…** | **Năm 20…** | **Tổng số** | **Năm 20…** | **Năm 20…** |
| *1* | *2* | *3* | *4=5+6* | *5* | *6* | *7* | *8=9+10* | *9=5\*7* | *10=6\*7* |
| 1 | . . . . . . . | 01 | T | T1 | T2 | X | = T\*X | = T1\*X | = T2\*X |
| 2 | . . . . . . . |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng cộng** | **. . . .**  | **. . . . .** | **. . . . .** | **. . . . .** |  | **. . . . .** | **. . . . .** | **. . . . .** |

Lưu ý:

- Trong trường hợp cần thuê lao động phổ thông phục vụ triển khai nhiệm vụ, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm đề tài/nhiệm vụcăn cứ nội dung yêu cầu công việc cần thuê lao động, thuyết minh kết quả dự kiến của việc thuê lao động và lập dự toán chi tiết trong thuyết minh đề tài/nhiệm vụ;

- Dự toán chi tiền công thuê lao động phổ thông được tính theo mức tiền lương tối thiểu vùng cao nhất tính theo ngày do Nhà nước quy định tại thời điểm xây dựng dự toán (mức tiền công thuê theo ngày tính theo mức lương chia cho 22 ngày).

***3.5. Chi tiết các khoản chi còn lại***

Đơn vị tính: Tr.đ

| **TT** |  **Mục chi** | **Nội dung chi** | **Tổng số** | **Chia ra các năm** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm 20…** | **Năm 20...** |
| **A** |  | **Nội dung chi giao khoán (1+2)** |  |  |  |
| ***1*** | ***7000*** | ***Nội dung chi giao khoán khác*** |  |  |  |
| 1.1 |  | Hội thảo khoa học |  |  |  |
| 1.2 |  | Tự đánh giá kết quả thực hiện đề tài/nhiệm vụ1 |  |  |  |
|  |  | *Hội đồng nghiệm thu quy trình, Hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện đề tài/nhiệm vụ1,...* |  |  |  |
| 1.3 |  | Công tác phí  |  |  |  |
|  |  | *Tiền vé máy bay, ô tô,..* |  |  |  |
|  |  | *Tiền phụ cấp lưu trú*  |  |  |  |
|  |  | *Tiền thuê phòng nghỉ tại nơi đến công tác* |  |  |  |
|  |  | *Khác* |  |  |  |
| 1.4 |  | Dịch vụ thuê ngoài phục vụ hoạt động nghiên cứu |  |  |  |
|  |  | *Hợp đồng dịch vụ NCKH với đơn vị bên ngoài (Báo giá kèm theo)* |  |  |  |
|  |  | *Thuê ngoài phân tích mẫu, phương tiện nghiên cứu, thuê gia công, chế tạo…(Báo giá kèm theo)*  |  |  |  |
|  |  | *Thuê lao động phổ thông hỗ trợ nghiên cứu* |  |  |  |
| 1.5 |  | Chi điều tra, khảo sát, thu thập số liệu, tài liệu phục vụ nghiên cứu  |  |  |  |
| 1.6 |  | Chi mua nguyên, nhiên vật liệu, năng lượng, vật tư, phụ tùng đã được Nhà nước ban hành định mức kinh tế kỹ thuật; dụng cụ, vật rẻ tiền mau hỏng….. |  |  |  |
|  |  | Dự toán chi tiết:- Chủng loại, số lượng vật tư, hóa chất, tiêu chuẩn, đơn giá kèm theo thông tin về văn bản nhà nước quy định về định mức KTKT áp dụng;- Dụng cụ, vật rẻ tiền mau hỏng: Chủng loại, số lượng, đơn giá (Báo giá kèm theo) |  |  |  |
| 1.7 |  | Chi đoàn vào |  |  |  |
|  |  | Thuyết minh rõ số chuyên gia, thời gian công tác; Tiền vé máy bay, tàu xe; Tiền ăn, tiêu vặt; Tiền thuê phòng nghỉ … |  |  |  |
| 1.8 |  | Chi phí khác theo quy định |  |  |  |
| ***2*** | ***7750*** | ***Chi phí quản lý chung*** |  |  |  |
|  |  | Các đơn vị cần quy định cụ thể đối tượng, nội dung chi, mức chi, phương thức chi, khác.. trong Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị mình đảm bảo minh bạch, công khai và không quá 5% tổng dự toán đề tài/nhiệm vụ |  |  |  |
| **B** |  | **Nội dung chi không giao khoán** |  |  |  |
| 1 | 6750 | Chi phí thuê tài sản trực tiếp tham gia thực hiện nghiên cứu |  |  |  |
|  |  | Thuê đất, nhà xưởng và thiết bị các loại*(Cần có báo giá tham khảo kèm theo)* |  |  |  |
| 2 | 6800 | Chi đoàn ra  |  |  |  |
|  |  | Thuyết minh rõ tên nước đến, số người, thời gian công tác; Tiền vé máy bay, tàu xe; Tiền ăn, tiêu vặt; Tiền thuê phòng nghỉ; Phí, lệ phí: (Phí sân bay, phí làm visa, hộ chiếu...); Chi khác: Bảo hiểm ....)*(Báo giá tiền vé máy bay, lịch trình bay tham khảo)* |  |  |  |
| 3 | 6900 | Sửa chữa TSCĐ phục vụ trực tiếp NCKH cho đề tài/nhiệm vụ1 |  |  |  |
|  |  | Tên thiết bị, cơ sở vật chất cần sửa chữa(*Dự toán cần có khái toán, thuyết minh, hoặc báo giá (nếu có), lưu ý thuyết minh cần có danh mục thiết bị hiện có của tổ chức chủ trì được sử dụng trực tiếp phục vụ* đề tài/nhiệm vụ1*)* |  |  |  |
| 4 | 6950 | Mua sắm tài sản hữu hình |  |  |  |
|  |  | Mua sắm tài sản cố địnhDự toán và thuyết minh rõ chi tiết chủng loại, tính năng kỹ thuật, tiêu chuẩn, xuất xứ, đơn giá của tài sản*(Cần có báo giá tham khảo kèm theo)* |  |  |  |
| 5 | 7000 | Chi phí mua vật tư, hoá chất, phụ tùng chưa được Nhà nước ban hành định mức kinh tế kỹ thuật |  |  |  |
|  |  | - Ghi rõ tổng kinh phí mua vật tư, hoá chất, phụ tùng chưa được Nhà nước ban hành định mức kinh tế kỹ thuật;- Chi tiết liệt kê trong Phụ lục đính kèm (*Dự toán chi tiết chủng loại, số lượng, đơn giá, tiêu chuẩn, xuất xứ của vật tư, hoá chất, phụ tùng*)*(Cần có báo giá tham khảo kèm theo)* |  |  |  |
| 6 | 7050 | Mua sắm tài sản vô hình |  |  |  |
|  |  | Dự toán các khoản chi mua Bằng sáng chế; Bản quyền nhãn hiệu thương mại; phần mềm máy tính; Đầu tư xây dựng phần mềm máy tính; tài sản vô hình khác*(Cần có báo giá tham khảo kèm theo)* |  |  |  |
|  |  | **Tổng cộng (A+B)**  |  |  |  |

Viện trưởng Viện .... cam kết chịu trách nhiệm đảm bảo số ngày công/tháng thù lao theo năm của từng thành viên tham gia thực hiện đề tài theo quy định của pháp luật.

*…....., ngày ... tháng ... năm ...*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thủ trưởng đơn vị***(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* | **Kế toán đơn vị***(Ký, ghi rõ họ tên)* | **Chủ nhiệm đề tài/nhiệm vụ1***(Ký, ghi rõ họ tên)* |

**DỰ TOÁN 02**

*(Dành cho nhiệm vụđề xuất phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng)*

**1. Căn cứ lập dự toán.**

*Các văn bản qui định định mức kinh tế - kỹ thuật do các Bộ, ngành ban hành và các chế độ, chính sách của nhà nước được sử dụng làm căn cứ để lập dự toán; trường hợp không có định mức kinh tế - kỹ thuật thì cần thuyết minh cụ thể, chi tiết căn cứ lập dự toán, yêu cầu có báo giá kèm theo. Các văn bản áp dụng có thể thay đổi theo hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước.*

Thông tư liên tịch số 27/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ KHCN sử dụng ngân sách nhà nước;

Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10/01/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị;

Quyết định số 243/QĐ-VHL ngày 01/3/2023 của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam về việc ban hành Quy định định mức hệ số công lao động cho các chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và chi quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, nhiệm vụ hỗ trợ phục vụ hoạt động khoa học và công nghệ cấp Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam;

Quyết định số 922/QĐ-VHL ngày 31/5/2023 của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam về việc ban hành Quy định thay đổi yêu cầu đối với chức danh thư ký khoa học của các nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam và định mức chi thù lao và hệ số lao động khoa học của các chức danh tham gia các nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam;

Quyết định số /QĐ-… ngày … / … / … của ...... về Quy chế chi tiêu nội bộ;

Các văn bản áp dụng khác.

- Báo giá số: ngày / / của........................... về ......................

**2. Tổng hợp dự toán.**

Tổng hợp dự toán theo Mục lục NSNN

 Đơn vị tính: Tr.đ

| **STT** | **Mục chi** | **Nội dung chi** | **Tổng số**  | **Chia ra các năm** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm 20…** | **Năm 20…** |
| **A** |  | **Nội dung chi giao khoán (1+2+3)** |  |  |  |
| ***1*** | 7000 | Thù lao thực hiện nhiệm vụ |  |  |  |
| *1.1* |  | *Thù lao thành viên thực hiện* |  |  |  |
| 1.2 |  | *Thuê chuyên gia trong nước* |  |  |  |
| 1.3 |  | *Thuê chuyên gia ngoài nước* |  |  |  |
| *1.4* |  | *Thuê lao động phổ thông* |  |  |  |
| ***2*** | ***7000*** | ***Chi giao khoán khác*** |  |  |  |
| 2.1 |  | Hội thảo khoa học |  |  |  |
| 2.2 |  | Tự đánh giá kết quả thực hiện đề tài/nhiệm vụ1 |  |  |  |
| 2.3 |  | Công tác phí |  |  |  |
| 2.4 |  | Dịch vụ thuê ngoài phục vụ hoạt động nghiên cứu |  |  |  |
| 2.5 |  | Chi điều tra, khảo sát, thu thập số liệu, tài liệu phục vụ nghiên cứu |  |  |  |
| 2.6 |  | Chi mua nguyên, nhiên vật liệu, năng lượng, vật tư, phụ tùng đã được Nhà nước ban hành định mức kinh tế kỹ thuật; dụng cụ, vật rẻ tiền mau hỏng… |  |  |  |
| 2.7 |  | Chi đoàn vào |  |  |  |
| 2.8 |  | Chi phí khác theo quy định |  |  |  |
| 2.9 |  | Chi phí thuê tài sản trực tiếp tham gia thực hiện nghiên cứu(Thuê đất, nhà xưởng và thiết bị các loại) |  |  |  |
| 2.10 |  | Chi đoàn ra |  |  |  |
| 2.11 |  | Sửa chữa TSCĐ phục vụ trực tiếp NCKH cho đề tài/nhiệm vụ1 |  |  |  |
| 2.12 |  | Tài sản hữu hình |  |  |  |
| 2.13 |  | Chi mua nguyên, nhiên vật liệu, vật tư, phụ tùng chưa được NN ban hành định mức kinh tế kỹ thuật |  |  |  |
| 2.14 |  | Tài sản vô hình |  |  |  |
| ***3*** | ***7750*** | ***Chi phí quản lý chung1***  |  |  |  |
|  |  | **Tổng cộng**  |  |  |  |

**3. Giải trình các Mục chi.**

Chi tiết thù lao thực hiện nhiệm vụ = Cộng (3.1) + (3.2) + (3.3) + (3.4)

***3.1. Chi tiết thù lao của các nhóm chức danh thực hiện đề tài/nhiệm vụ***

Định mức thù lao theo tháng (DMCTL): … tr.đ *(Chủ nhiệm nhiệm vụ**tự lựa chọn DMCTL cho phù hợp với quy mô của nhiệm vụ. DMCTL tối đa không quá 40 tr.đ)*

| **TT** | **Nội dung công việc** | **Hệ số lao động khoa học** | **Số người trong nhóm chức danh** | **Số tháng quy đổi của nhóm chức danh** | **Thù lao thực hiệnđề tài/nhiệm vụ *(tr.đ)*** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm 20…** | **Năm 20…** | **Tổng số** | **Năm 20…** | **Năm 20…** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7=8+9* | *8=3\* DMCTL\*5* | *9=3\* DMCTL\*6* |
| 1 | **Nội dung 1:** …… (*tên nội dung*) …….Do thành viên chính TS. Bùi Văn A chủ trì thực hiện | **Tổng ND 1** | **Tổng ND 1** | **Tổng ND 1** |
| ***1.1*** | ***Công việc 1.1: .....*** *(tên công việc) ….* | ***Tổng CV 1.1*** | ***Tổng CV 1.1*** |  |
|  | - Thù lao thành viên chính  | 0,8 | 1 | X1 |  | Y1 | Y1 |  |
|  | - Thù lao nhóm thành viên  | 0,4 | … | X2 |  | Y2 | Y2 |  |
|  | - Thù lao nhóm kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ  | 0,2 | … | X3 |  | Y3 | Y3 |  |
| ***1.2*** | ***Công việc 1.2: .....*** *(tên công việc) ….* | ***Tổng CV 1.2*** |  | ***Tổng CV 1.2*** |
|  | - Thù lao thành viên chính  | 0,8 | 1 |  | X4 | Y4 |  | Y4 |
|  | - Thù lao nhóm thành viên  | 0,4 | … |  | X5 | Y5 |  | Y5 |
|  | - Thù lao nhóm kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ  | 0,2 | … |  | X6 | Y6 |  | Y6 |
| … | ***Công việc 1….: .....*** *(tên công việc) ….* |  |  |  |
|  | … |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** | **Nội dung 2:** …… (*tên nội dung*) …….Do thành viên chính TS. Nguyễn Văn B chủ trì thực hiện | **Tổng ND 2** | **Tổng ND 2** | **Tổng ND 2** |
| ***2.1*** | ***Công việc 2.1: .....*** *(tên công việc) ….* | ***Tổng CV 2.1*** | ***Tổng CV 2.1*** |  |
|  | - Thù lao thành viên chính  | 0,8 | 1 | X7 |  | Y7 | Y7 |  |
|  | - Thù lao nhóm thành viên  | 0,4 | … | X8 |  | Y8 | Y8 |  |
|  | - Thù lao nhóm kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ  | 0,2 | … | X9 |  | Y9 | Y9 |  |
| ***2.1*** | ***Công việc 2.2: .....*** *(tên công việc) ….* |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | … |  |  |  |  |  |  |  |
| … | ***Công việc 2….: .....*** *(tên công việc) ….* |  |  |  |
|  | … |  |  |  |  |  |  |  |
| **…** | **Nội dung …:** (*tên nội dung*) | **Tổng ND …** | **Tổng ND …** | **Tổng ND …** |
| … |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Thù lao của chủ nhiệm đề tài*(TLCN = 1,0 x DMCTL x 20% x T)* | 1 | 1 | 2,4 | 2,4 |  |  |  |
|  | Thù lao của thư ký khoa học*(TLTK = 0,3 x DMCTL x 20% x T)* | 0,3 | 1 | 2,4 | 2,4 |  |  |  |
|  | **Xây dựng thuyết minh và báo cáo tổng kết** | Nội dung công việc này do chủ nhiệm và thư ký khoa học của đề tài/nhiệm vụ1 thực hiện, đã được tính trong thù lao của chủ nhiệm và thư ký khoa học, không tính thù lao riêng. |
| **Tổng cộng** | **. . . . .** | **. . . . .** | **. . . . .** | **. . . . .** | **. . . . .** |

Bảng tổng hợp thù lao thực hiện đề tài/nhiệm vụ1 theo chức danh

| **TT** | **Chức danh thực hiệnđề tài/nhiệm vụ1** | **Số tháng quy đổi theo nhóm chức danh** | **Thù lao thực hiện (tr.đ)** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tổng số** | **Năm 20…** | **Năm 20…** | **Tổng số** | **Năm 20…** | **Năm 20…** |
| 1 | Chủ nhiệm đề tài/nhiệm vụ1 |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Thư ký khoa học |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Nhóm thành viên chính  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Nhóm thành viên  |  |  |  |  |  |  |
| 5 | Nhóm nhân viên kỹ thuật, nhân viên hỗ trợ  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng cộng** |  |  |  |  |  |  |

Lưu ý:

- Việc xác định số lượng thành viên tham gia thực hiện đề tài/nhiệm vụ1 và số tháng quy đổi của chức danh/nhóm chức danh do Chủ nhiệm đề tài/nhiệm vụ1 đề xuất, hội đồng xét chọn kiến nghị để Viện Hàn lâm xem xét quyết định theo nguyên tắc: Đảm bảo đúng người, đúng việc, đủ lượng thời gian để hoàn thành nội dung công việc được phân công và đạt đủ số lượng, chất lượng sản phẩm cần đạt của đề tài/nhiệm vụ1. Đảm bảo tối thiểu 50% số lượng thành viên tham gia thực hiện các đề tài/nhiệm vụ1 cấp Viện Hàn lâm KHCNVN phải là cán bộ, công chức, viên chức thuộc Viện Hàn lâm quản lý hoặc người lao động đã ký hợp đồng lao động tại đơn vị trực thuộc Viện Hàn lâm. Các thành viên chính tham gia thực hiện đều có lý lịch khoa học kèm theo quyển kế hoạch triển khai đề tài/nhiệm vụ1;

- Tùy theo khả năng kinh phí, chức danh khoa học của các thành viên tham gia, đề tài/nhiệm vụ1 có thể áp dụng hệ số thù lao theo tháng phù hợp nhưng không vượt quá mức áp dụng tối đa cho đề tài cấp Viện Hàn lâm KHCNVN theo quy định;

- Thời gian tính chi trả thù lao của chủ nhiệm đề tài/nhiệm vụ1 và thư ký khoa học tính theo số tháng thực hiện tại đơn vị (T) tại thời điểm phê duyệt triển khai đề tài/nhiệm vụ1 và không thay đổi trong quá trình triển khai đề tài/nhiệm vụ1.

- Đơn vị chủ trì và chủ nhiệm đề tài trong quá trình triển khai thực hiện đề tài/nhiệm vụ1 phải đảm bảo số ngày công/tháng thù lao theo năm của từng thành viên tham gia thực hiện đề tài/nhiệm vụ1 theo quy định.

***3.2. Chi tiết tiền thuê chuyên gia trong nước***

| **TT** | **Họ và tên***(Học hàm, học vị)* | **Nội dung thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Số tiền** *(Tr.đ)* |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tổng số** | **Năm 20…** | **Năm 20…** |
| 1 | PGS. TS. . . . . . . . | . . . . . . . | . . . . . . . | . . . . . | . . . . . | . . . . . |
| 2 |  |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng cộng** | **. . . . .** | **. . . . .** | **. . . . .** |

Lưu ý:

- Chủ trì đề tài/nhiệm vụ1 căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ cho hội đồng tư vấn đánh giá xem xét, trình cơ quan có thấm quyền phê duyệt theo hợp đồng khoán việc. Các chuyên gia trong nước tham gia thực hiện đều có lý lịch khoa học kèm theo thuyết minh đề tài/nhiệm vụ1.

- Tổng chi thuê chuyên gia không vượt quá 30% tổng chi lao động trực tiếp.

- Dự toán chi thuê chuyên gia trong nước thực hiện theo mức lương quy định tại Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức lương với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước.

- Trường hợp đặc biệt (*mức chi chuyên gia lớn hơn định mức qui định*): Cơ quan chủ trì có Tờ trình riêng trình và Hội đồng KHCN có ý kiến bằng văn bản trình Chủ tịch Viện Hàn lâm xem xét quyết định.

- Chuyên gia cần có báo cáo kết quả cho từng nội dung công việc đã nhận.

***3.3. Chi tiết tiền thuê chuyên gia nước ngoài***

| **TT** | **Họ và tên***(Học hàm, học vị)* | **Nội dung** **thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Số tiền** *(Tr.đ)* |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tổng số** | **Năm 20…** | **Năm 20…** |
| 1 | PGS. TS. . . . . . . . | . . . . . . . | . . . . . . . | . . . . . | . . . . . | . . . . . |
| 2 |  |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng cộng** | **. . . . .** | **. . . . .** | **. . . . .** |

Lưu ý:

- Chủ trì đề tài/nhiệm vụ1 căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ kết quả của việc thuê chuyên gia, tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia cho hội đồng tư vấn đánh giá xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo hợp đồng khoán việc. Các chuyên gia nước ngoài tham gia thực hiện đều có lý lịch khoa học kèm theo thuyết minh đề tài/nhiệm vụ1.

- Tổng dự toán kinh phí thực hiện nội dung chi thuê chuyên gia ngoài nước không quá 50% tổng dự toán kinh phí chi tiền công trực tiếp thực hiện đề tài KH&CN quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 03/TT-BTC ngày 10/01/2023.

- Trường hợp đặc biệt (*mức chi chuyên gia lớn hơn định mức qui định)* thì Viện Hàn lâm quyết định phê duyệt và chịu trách nhiệm sau khi có ý kiến bằng văn bản của Hội đồng thẩm định nội dung đề tài, dự án.

- Chuyên gia cần có báo cáo kết quả cho từng nội dung công việc đã nhận.

***3.4. Thù lao lao động phổ thông***

| **TT** | **Nội dung công việc/Kết quả dự kiến** | **Số lượng lao động phổ thông** | **Thời gian thực hiện** (tháng) | **Mức thù lao** *(tính theo mức lương tối thiểu vùng cao nhất)* | **Số tiền** *(Tr.đ)* |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tổng số** | **Năm 20…** | **Năm 20…** | **Tổng số** | **Năm 20…** | **Năm 20…** |
| *1* | *2* | *3* | *4=5+6* | *5* | *6* | *7* | *8=9+10* | *9=5\*7* | *10=6\*7* |
| 1 | . . . . . . . | 01 | T | T1 | T2 | X | = T\*X | = T1\*X | = T2\*X |
| 2 | . . . . . . . |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng cộng** | **. . . .**  | **. . . . .** | **. . . . .** | **. . . . .** |  | **. . . . .** | **. . . . .** | **. . . . .** |

Lưu ý:

- Trong trường hợp cần thuê lao động phổ thông phục vụ triển khai đề tài/nhiệm vụ1, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ căn cứ nội dung yêu cầu công việc cần thuê lao động, thuyết minh kết quả dự kiến của việc thuê lao động và lập dự toán chi tiết trong thuyết minh đề tài/nhiệm vụ1;

- Dự toán chi tiền công thuê lao động phổ thông được tính theo mức tiền lương tối thiểu vùng cao nhất tính theo ngày do Nhà nước quy định tại thời điểm xây dựng dự toán (mức tiền công thuê theo ngày tính theo mức lương chia cho 22 ngày).

***3.5. Chi tiết các khoản chi còn lại***

Đơn vị tính: Tr.đ

| **TT** | **Mục chi** | **Nội dung chi** | **Tổng số** | **Chia ra các năm** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm 20…** | **Năm 20...** |
|  |  | **Nội dung chi giao khoán (1+2)** |  |  |  |
| ***1*** | ***7000*** | ***Nội dung chi giao khoán khác*** |  |  |  |
| 1.1 |  | Hội thảo khoa học |  |  |  |
| 1.2 |  | Tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ |  |  |  |
|  |  | *Hội đồng nghiệm thu quy trình, Hội đồng tự đánh giá kết quả thực hiện đề tài/nhiệm vụ1,...* |  |  |  |
| 1.3 |  | Công tác phí  |  |  |  |
|  |  | *Tiền vé máy bay, ô tô,..* |  |  |  |
|  |  | *Tiền phụ cấp lưu trú*  |  |  |  |
|  |  | *Tiền thuê phòng nghỉ tại nơi đến công tác* |  |  |  |
|  |  | *Khác* |  |  |  |
| 1.4 |  | Dịch vụ thuê ngoài phục vụ hoạt động nghiên cứu |  |  |  |
|  |  | *Hợp đồng dịch vụ NCKH với đơn vị bên ngoài (Báo giá kèm theo)* |  |  |  |
|  |  | *Thuê ngoài phân tích mẫu, phương tiện nghiên cứu, thuê gia công, chế tạo…(Báo giá kèm theo)*  |  |  |  |
|  |  | *Thuê lao động phổ thông hỗ trợ nghiên cứu* |  |  |  |
| 1.5 |  | Chi điều tra, khảo sát, thu thập số liệu, tài liệu phục vụ nghiên cứu  |  |  |  |
| 1.6 |  | Chi mua nguyên, nhiên vật liệu, năng lượng, vật tư, phụ tùng đã được Nhà nước ban hành định mức kinh tế kỹ thuật; dụng cụ, vật rẻ tiền mau hỏng….. |  |  |  |
|  |  | Dự toán chi tiết:- Chủng loại, số lượng vật tư, hóa chất, tiêu chuẩn, đơn giá kèm theo thông tin về văn bản nhà nước quy định về định mức KTKT áp dụng;- Dụng cụ, vật rẻ tiền mau hỏng: Chủng loại, số lượng, đơn giá (Báo giá kèm theo) |  |  |  |
| 1.7 |  | Chi đoàn vào |  |  |  |
|  |  | Thuyết minh rõ số chuyên gia, thời gian công tác; Tiền vé máy bay, tàu xe; Tiền ăn, tiêu vặt; Tiền thuê phòng nghỉ … |  |  |  |
| 1.8 |  | Chi phí khác theo quy định |  |  |  |
| 1.9 |  | Chi phí thuê tài sản trực tiếp tham gia thực hiện nghiên cứu |  |  |  |
|  |  | Thuê đất, nhà xưởng và thiết bị các loại*(Cần có báo giá tham khảo kèm theo)* |  |  |  |
| 1.10 |  | Chi đoàn ra  |  |  |  |
|  |  | Thuyết minh rõ tên nước đến, số người, thời gian công tác; Tiền vé máy bay, tàu xe; Tiền ăn, tiêu vặt; Tiền thuê phòng nghỉ; Phí, lệ phí: (Phí sân bay, phí làm visa, hộ chiếu...); Chi khác: Bảo hiểm ....)*(Báo giá tiền vé máy bay, lịch trình bay tham khảo)* |  |  |  |
| 1.11 |  | Sửa chữa TSCĐ phục vụ trực tiếp NCKH cho đề tài/nhiệm vụ |  |  |  |
|  |  | Tên thiết bị, cơ sở vật chất cần sửa chữa(*Dự toán cần có khái toán, thuyết minh, hoặc báo giá (nếu có), lưu ý thuyết minh cần có danh mục thiết bị hiện có của tổ chức chủ trì được sử dụng trực tiếp phục vụ đề tài/nhiệm vụ)* |  |  |  |
| 1.12 |  | Mua sắm tài sản hữu hình |  |  |  |
|  |  | Mua sắm tài sản cố địnhDự toán và thuyết minh rõ chi tiết chủng loại, tính năng kỹ thuật, tiêu chuẩn, xuất xứ, đơn giá của tài sản*(Cần có báo giá tham khảo kèm theo)* |  |  |  |
| 1.13 |  | Chi phí mua vật tư, hoá chất, phụ tùng chưa được Nhà nước ban hành định mức kinh tế kỹ thuật |  |  |  |
|  |  | - Ghi rõ tổng kinh phí mua vật tư, hoá chất, phụ tùng chưa được Nhà nước ban hành định mức kinh tế kỹ thuật;- Chi tiết liệt kê trong Phụ lục đính kèm (*Dự toán chi tiết chủng loại, số lượng, đơn giá, tiêu chuẩn, xuất xứ của vật tư, hoá chất, phụ tùng*)*(Cần có báo giá tham khảo kèm theo)* |  |  |  |
| 1.14 |  | Mua sắm tài sản vô hình |  |  |  |
|  |  | Dự toán các khoản chi mua Bằng sáng chế; Bản quyền nhãn hiệu thương mại; phần mềm máy tính; Đầu tư xây dựng phần mềm máy tính; tài sản vô hình khác*(Cần có báo giá tham khảo kèm theo)* |  |  |  |
| ***2*** | ***7750*** | ***Chi phí quản lý chung***  |  |  |  |
|  |  | Các đơn vị cần quy định cụ thể đối tượng, nội dung chi, mức chi, phương thức chi, khác.. trong Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị mình đảm bảo minh bạch, công khai và không quá 5% tổng dự toán đề tài |  |  |  |
|  |  | **Tổng cộng**  |  |  |  |

Viện trưởng Viện .... cam kết chịu trách nhiệm đảm bảo số ngày công/tháng thù lao theo năm của từng thành viên tham gia thực hiện đề tài/nhiệm vụ1 theo quy định của pháp luật.

*…....., ngày ... tháng ... năm ...*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thủ trưởng đơn vị***(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* | **Kế toán đơn vị***(Ký, ghi rõ họ tên)* | **Chủ nhiệm đề tài/nhiệm vụ1***(Ký, ghi rõ họ tên)* |

*Hướng dẫn:*

- Khi lập dự toán, đơn vị chủ trì cần cân nhắc do Viện Hàn lâm sẽ không phê duyệt điều chỉnh phương thức khoán, tổng dự toán kinh phí đã được giao khoán để thực hiện đề tài và mức chi quản lý chung của đề tài. Trong quá trình thực hiện đề tài, nếu có nhu cầu điều chỉnh, đơn vị chủ trì, đơn vị quản lý kinh phí và chủ nhiệm đề tài cần tuân theo quy định của Viện Hàn lâm (hướng dẫn tại khoản khoản 1, 2, 3, 5, 7 và 8 Điều 16 của Quy định quản lý các đề tài khoa học công nghệ Độc lập, đề tài do các Hội đồng khoa học Ngành đặt hàng và nhiệm vụ khoa học công nghệ Chủ tịch Viện Hàn lâm giao cấp Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 261/QĐ-VHL ngày 01/3/2023 của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam).

- Các văn bản áp dụng có thể thay đổi theo hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước.

- Mẫu dự toán được áp dụng đối với các đề tài, dự án, nhiệm vụ KHCN cấp Viện Hàn lâm KHCNVN. Các đơn vị trực thuộc căn cứ quy chế chi tiêu nội bộ, các quy định, văn bản hướng dẫn liên quan, tham khảo mẫu dự toán trên để áp dụng cho các nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở thuộc đơn vị mình quản lý.

**\*Phụ lục vật tư, hóa chất, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ:**

*Đơn vị tính: Đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên vật tư, hoá chất, nguyên vật liệu** | **Xuất xứ** | **Chỉ tiêu kỹ thuật** | **Đơn vị tính *(quy cách đóng gói)*** | **Số lượng** | **Đơn giá**  | **Thành tiền**  | **Chia năm** |
| Năm... | Năm... | Năm... |
| 1 |  |  |  | Chai (dung tích) |   |  |  |  |  |  |
| 2 |  |   |  | lít |   |   |  |  |  |  |
| 3 |  |   |  | lọ (dung tích) |   |   |  |  |  |  |
| … | …… |   | …. |   |   |   |  |  |  |  |
|  | Cộng |  |  |  |  |  | + | + | + | + |

**\* Phụ lục mua sắm tài sản cố định:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên thiết bị** | **Xuất xứ** | **Thông số kỹ thuật** | **Đơn vị tính**  | **Số lượng** | **Đơn giá (đồng)** | **Thành tiền (đồng)** | **Chia năm** |
| Năm... | Năm... | Năm... |
| 1 |  |  |  |  |   |  |  |  |  |  |
| 2 |  |   |  |  |   |   |  |  |  |  |
| … | …… |   | …. |   |   |   |  |  |  |  |
|  | Cộng |  |  |  |  |  | + | + | + | + |

**\* Phụ lục dịch vụ thuê ngoài:**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên dịch vụ** | **Đơn vị tính**  | **Số lượng** | **Đơn giá (đồng)** | **Thành tiền (đồng)** | **Chia năm** |
| Năm... | Năm... | Năm... |
| 1 |  | Mẫu (hoặc phép đo.....) |   |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |   |   |  |  |  |  |
| … | …… |   |   |   |  |  |  |  |
|  | Cộng |  |  |  | + | + | + | + |

**\*Các phụ lục cần thiết khác (nếu có)**

**Mẫu 11**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VN**VIỆN...................** |  | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***........., ngày tháng năm 202…*  |

**TÓM TẮT** **Hoạt động KHCN của đơn vị đăng ký chủ trì nhiệm vụ** **thuộc Chương trình phát triển nhóm nghiên cứu xuất sắc** **tại Viện Hàn lâm KHCVN** 1. Tên đơn vị:- Năm thành lập:- Địa chỉ:- Điện thoại: Fax: E-mail:2. Chức năng, nhiệm vụ của đơn vị:3. Số cán bộ nghiên cứu hiện có liên quan đến nhiệm vụ đăng ký chủ trì:4. Thành tựu nghiên cứu của đơn vị trong 5 năm gần nhất liên quan đến nhiệm vụ đăng ký chủ trì (liệt kê các đề tài, dự án đã hoàn thành, các công trình đã công bố ...).5. Cơ sở vật chất và kỹ thuật hiện có liên quan đến nhiệm vụ đăng ký chủ trì (nhà xưởng, trang thiết bị, máy móc ...).6. Khả năng hợp tác trong và ngoài nước liên quan đến nhiệm vụ đăng ký chủ trì.7. Khả năng huy động vốn khác cho việc thực hiện nhiệm vụ đăng ký chủ trì. |
|  | **Thủ trưởng đơn vị đăng ký chủ trì***(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

*Hướng dẫn:*

1 Các tác giả lựa chọn một trong hai loại hình đề tài để kê khai cho chính xác.

**Mẫu 11A**

|  |
| --- |
| **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **GIẤY XÁC NHẬN Phối hợp thực hiện đề tài, dự án, nhiệm vụ KHCN1cấp Viện Hàn lâm KHCNVN**(*Dùng cho các cơ quan phối hợp thực hiện đề tài*)**A. Thông tin về đề tài** - Tên nhiệm vụ: Mã số nhiệm vụ:2- Thuộc Chương trình... - Đơn vị đăng ký chủ trì: - Cá nhân đăng ký chủ nhiệm:- Thời gian thực hiện:**B. Thông tin về tổ chức phối hợp thực hiện nhiệm vụ**- Tên đơn vị phối hợp:- Năm thành lập:- Địa chỉ:- Điện thoại: Fax: E-mail:**C. Nội dung công việc tham gia** trong nhiệm vụ (*và kinh phí tương ứng*) của đơn vị phối hợp thực hiện đã được thể hiện trong bản Kế hoạch triển khai nhiệm vụ của Hồ sơ đăng ký thực hiện nhiệm vụ gửi Chủ tịch Viện Hàn lâm KHCNVN.Khi thực hiện, chúng tôi cam đoan sẽ hoàn thành những thủ tục pháp lý do Viện Hàn lâm KHCNVN hướng dẫn về nghĩa vụ và quyền lợi của mỗi bên để thực hiện tốt nhất và đúng thời hạn mục tiêu, nội dung và sản phẩm của nhiệm vụ......, ngày ... tháng ... năm 202... |
| **Thủ trưởng đơn vị đăng ký chủ trì** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* | **Cá nhân đăng ký chủ nhiệm đề tài***(Ký, ghi rõ họ tên)* |
| **Thủ trưởng đơn vị phối hợp** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

*Hướng dẫn:*

1 Các tác giả lựa chọn một trong ba loại hình đề tài để kê khai cho chính xác.

2 Mã số được cấp sau khi có quyết định phê duyệt của Chủ tịch Viện.

**Mẫu 12**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC****VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM** |  | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc......, ngày .... tháng .... năm 20... |

# PHIẾU NHẬN XÉT

**Hồ sơ đăng ký thực hiện nhiệm vụ hạng I/hạng II1 thuộc Chương trình phát triển nhóm nghiên cứu xuất sắc tại Viện Hàn lâm KHCNN**

*(Dùng cho ủy viên Hội đồng)*

**I. Thông tin chung**

#### - Tên nhiệm vụ:

- Thuộc lĩnh vực KHCN:

- Đơn vị đăng ký chủ trì:

- Cá nhân đăng ký chủ nhiệm:

- Thời gian thực hiện: 01/2023 – 12/2024

**II. Thành viên hội đồng**

- Họ và tên:

- Học hàm, học vị: Chức danh trong hội đồng:

- Đơn vị công tác:

**III. Các nội dung nhận xét**

***3.1. Tên và mục tiêu của nhiệm vụ*** *(Đánh giá sự phù hợp về tên và mục tiêu của nhệm vụ)*

***3.2. Tổng quan về hướng nghiên cứu của nhiệm vụ cần thực hiện để đạt được mục tiêu đề ra*** *(Đánh giá về: Mức độ đầy đủ, rõ ràng và hợp lý mức độ cập nhật thông tin mới nhất về lĩnh vực nghiên cứu; Tính khoa học, cụ thể, rõ ràng của việc luận giải về sự cần thiết vấn đề phải nghiên cứu)*

***3.3. Nội dung nghiên cứu*** *(Đánh giá chi tiết về: Nội dung nghiên cứu đầy đủ, hợp lý, sáng tạo; Tính logic, cân đối của toàn bộ nội dung nghiên cứu của đề tài)*

***3.4. Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu và kỹ thuật sử dụng*** *(Đánh giá chi tiết về: Tính khoa học, độc đáo của cách tiếp cận nghiên cứu; Tính đầy đủ, phù hợp, mới, sáng tạo của các phương pháp nghiên cứu và kỹ thuật sử dụng)*

***3.5. Sản phẩm đăng ký*** *(Đánh giá chi tiết về mức độ đáp ứng về sản phẩm của hồ sơ đăng ký so với quy định của Viện Hàn lâm KHCNVN nêu tại điểm khoản 5 Điều 6 của Quy định quản lý nhiệm vụ)*

***3.6. Tính khả thi của nhiệm vụ*** *(Đánh giá chi tiết về tổ chức thực hiện, tiến độ thực hiện. Đánh giá sự phù hợp về: dự toán kinh phí; thành viên tham gia nhiệm vụ, số lượng thành viên tham gia, số ngày công/tháng thù lao, số lượng chuyên gia và định mức chi chuyên gia (nếu có))*

*3.7. Tiềm lực của đơn vị và cá nhân đăng ký chủ trì (Đánh giá về: Số năm kinh nghiệm và số đề tài đã hoàn thành, Số công trình đã công bố, xuất bản trong 5 năm gần đây của Chủ nhiệm nhiệm vụ; Cơ sở vật chất, kỹ thuật và nhân lực có thể đảm bảo cho việc thực hiện nhiệm vụ)*

**IV. Nhận xét khác và kết luận của người nhận xét**

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Thành viên Hội đồng***(Ký, ghi rõ họ tên)* |

*Ghi chú:*

- Phiếu Nhận xét là cơ sở để đơn vị đăng ký chủ trì và cá nhân đăng ký chủ nhiệm đề tài sửa chữa và hoàn thiện hồ sơ đăng ký thực hiện đề tài;

- Các uỷ viên nhận xétcó thể chuẩn bị bản nhận xét của mình trên cơ sở Phiếu Nhận xét này.

**Mẫu 13**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC** **VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM** |  | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc*........, ngày tháng năm 202...* |

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ**

**Hồ sơ đăng ký thực hiện nhiệm vụ hạng I/hạng II1 thuộc Chương trình phát triển nhóm nghiên cứu xuất sắc tại Viện Hàn lâm** KHCNVN

*(Dùng cho ủy viên Hội đồng)*

**I. Thông tin chung**:

#### - Tên nhiệm vụ:

- Thuộc lĩnh vực KHCN:

- Đơn vị đăng ký chủ trì:

- Cá nhân đăng ký chủ nhiệm

- Thời gian thực hiện:

**II. Thành viên hội đồng**

- Họ và tên:

- Học hàm, học vị: Chức danh trong hội đồng:

- Đơn vị công tác:

**III. Các tiêu chí đánh giá:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tiêu chí đánh giá** | **Điểm tối đa** | **Điểm đánh giá** |
| ***1*** | ***Tổng quan về hướng nghiên cứu của nhiệm vụ cần thực hiện để đạt được mục tiêu đề ra*** | ***10*** |  |
|  | - Mức độ đầy đủ, rõ ràng và hợp lý mức độ cập nhật thông tin mới nhất về lĩnh vực nghiên cứu | 5 |  |
| - Tính khoa học, cụ thể, rõ ràng của việc luận giải về sự cần thiết vấn đề phải nghiên cứu | 5 |  |
| ***2***  | ***Nội dung nghiên cứu*** | ***20*** |  |
|  | - Nội dung nghiên cứu đầy đủ, hợp lý, sáng tạo | 5 |  |
| - Tính logic, cân đối của toàn bộ nội dung nghiên cứu của đề tài | 5 |  |
| ***3***  | ***Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu và kỹ thuật sử dụng*** | ***10*** |  |
|  | - Tính khoa học, độc đáo của cách tiếp cận nghiên cứu | 5 |  |
| - Tính đầy đủ, phù hợp, mới, sáng tạo của các phương pháp nghiên cứu và kỹ thuật sử dụng | 5 |  |
| ***4*** | ***Sản phẩm*** | ***30*** |  |
|  | - Mức độ đáp ứng về sản phẩm của hồ sơ đăng ký so với quy định của Viện Hàn lâm KHCNVN *(chấm theo 1 trong 2 phương án sau)*: + Sản phẩm cụ thể2, rõ ràng và có đủ sản phẩm nghiên cứu theo yêu cầu của Chương trình: tối đa không quá 25 điểm;+ Sản phẩm chưa cụ thể, chi tiết, rõ ràng nhưng có đủ sản phẩm nghiên cứu theo yêu cầu của Chương trình: tối đa không quá 20 điểm;- Sản phẩm nghiên cứu theo yêu cầu của Chương trình đối với nhiệm vụ hạng I/hạng II: Quy định tại khoản 6, Điều 6 của quy định quản lý các nhiệm vụ thuộc Chương trình. | 25 |  |
|  | - Điểm ưu tiên về có thêm công trình công bố *(điểm tối đa không quá 5 điểm)*: Nhiệm vụ có thêm sản phẩm công trình công bố quốc tế/ Có thêm sản phẩm công bố trên các tạp chí của Viện Hàn lâm KHCNVN chưa nằm trong danh mục chuẩn quốc tế | 5 |  |
| ***5***  | ***Tính khả thi của nhiệm vụ***  | ***10*** |  |
|  | Tính khả thi của nhiệm vụ *(Đánh giá dựa trên mục tiêu, nội dung và sản phẩm đăng ký, tổ chức thực hiện, tiến độ và tài chính)* | 20 |  |
| ***6***  | ***Tiềm lực của đơn vị và cá nhân đăng ký chủ trì nhiệm vụ)*** | ***20*** |  |
|  | - Số năm kinh nghiệm và số nhiệm vụ đã hoàn thành, Số công trình đã công bố, xuất bản trong 5 năm gần đây của Chủ nhiệm nhiệm vụ | 10 |  |
| - Khả năng tập hợp cán bộ, chuyên gia thực hiện nhiệm vụ | 5 |  |
| - Cơ sở vật chất, kỹ thuật và nhân lực có thể đảm bảo cho việc thực hiện nhiệm vụ | 5 |  |
|  | ***Tổng cộng*** | **100** |  |

**IV. Đánh giá tổng quát về Hồ sơ đề tài *(lựa chọn 1 trong 3 phương án sau)*:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 | Nhất trí với Hồ sơ nhiệm vụ, đồng ý cho triển khai |   |
| 2 | Không nhất trí với Hồ sơ nhiệm vụ, không nên cho triển khai |  |

**V. Phương thức khoán chi *(lựa chọn 1 trong 2 phương án sau)*:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 | Khoán chi đến sản phẩm cuối cùng |   |
| 2 | Khoán chi từng phần  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | Thành viên Hội đồng*(Ký và ghi rõ họ tên)* |

*Hướng dẫn:*

1 Chuyên viên lựa chọn một trong hai loại hình nhiệm vụ phù hợp

2 Yêu cầu này được hiểu như sau: Tại mục “*13. Sản phẩm nhiệm vụ*” của Thuyết minh nhiệm vụ, trong nhóm “*Sản phẩm nghiên cứu và phát triển công nghệ*”, tác giả cần ghi rõ tên, số lượng, chỉ tiêu khoa học, chỉ tiêu kỹ thuật của các sản phẩm.Lưu ý: “*Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ”* không được coi là sản phẩm của đề tài và không cần kê khai trong danh mục sản phẩm đề tài.

3 Yêu cầu về sản phẩm của nhiệm vụ phải tuân theo tiêu chí quy định tại khoản 6, Điều 6 của quy định quản lý các nhiệm vụ thuộc Chương trình phát triển nhóm nghiên cứu xuất sắc tại Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-VHL ngày / /2024 của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

4 Hội đồng thảo luận và thống nhất phương án chấm điểm phần “Sản phẩm”. Nếu thành viên Hội đồng chấm sai quy định thì phiếu của thành viên đó sẽ không được tính.

5 Nếu thành viên Hội đồng cho điểm đánh giá chênh lệch từ 20% trở lên so với điểm đánh giá trung bình của toàn Hội đồng thì phiếu đánh giá của thành viên đó sẽ không được tính, kết quả đánh giá của hồ sơ chỉ dựa trên đánh giá của những thành viên Hội đồng còn lại.

6 Hồ sơ đạt điểm bình quân ≥ 75 điểm được đưa vào danh sách trúng tuyển.

**Mẫu 14**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC** |  | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM** |  | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  |  |  |
|  |  | *….., ngày tháng năm 20…*  |

**BIÊN BẢN TỔNG HỢP**

**Hồ sơ đăng ký thực hiện nhiệm vụ hạng I/hạng II1 thuộc Chương trình phát triển nhóm nghiên cứu xuất sắc tại Viện Hàn lâm KHCNVN**

1. **Thông tin chung**

#### - Tên nhiệm vụ:

- Thuộc lĩnh vực KHCN:

- Đơn vị đăng ký chủ trì:

- Cá nhân đăng ký chủ nhiệm:

- Thời gian thực hiện:

**2. Kết quả kiểm phiếu**

- Tổng số phiếu phát ra:

- Tổng số phiếu thu vào:

- Tổng số điểm:

- Điểm bình quân:

**3. Đánh giá chung về Hồ sơ nhiệm vụ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mức đánh giá** | **Số phiếu** | **Kết luận** |
| 1 | Nhất trí với Hồ sơ nhiệm vụ, đồng ý cho triển khai (Hồ sơ nhiệm vụ cần sửa đổi theo ý kiến của các thành viên Hội đồng) |   |  |
| 2 | Hồ sơ nhiệm vụ phải sửa đổi về cơ bản mới được triển khai |  |  |
| 3 | Không nhất trí với Hồ sơ nhiệm vụ, không nên cho triển khai |  |  |

**4. Phương thức khoán chi**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mức đánh giá** | **Số phiếu** | **Kết luận** |
| 1 | Khoán chi đến sản phẩm cuối cùng |   |  |
| 2 | Khoán chi từng phần  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Thư ký Hội đồng***(Ký, ghi rõ họ tên)* | **Chủ tịch Hội đồng***(Ký, ghi rõ họ tên)* |

**Mẫu 15**

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

**VIỆN ..................................................**

**HỒ SƠ NHIỆM VỤ**

**THUỘC CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN NHÓM NGHIÊN CỨU XUẤT SẮC TẠI VIỆN HÀN LÂM KHCNVN**

**Tên nhiỆm vỤ**

**PHÁT TRIỂN NHÓM NGHIÊN CỨU XUẤT SẮC (*ghi rõ hạng*) VỀ..**

Mã số : ................\*

Loại: ..............

Chủ nhiệm nhiệm vụ:.................................................

Đơn vị : ...............................................................

.........., …./201…

*Ghi chú:*

\* Mã số được cấp sau khi có quyết định phê duyệt của Chủ tịch Viện.

**Tờ bìa phụ**

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

**VIỆN ..................................................**

**HỒ SƠ NHIỆM VỤ**

**THUỘC CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN NHÓM NGHIÊN CỨU XUẤT SẮC TẠI VIỆN HÀN LÂM KHCNVN**

**Tên nhiệm vụ**

**PHÁT TRIỂN NHÓM NGHIÊN CỨU (*ghi rõ hạng)* VỀ..**

Mã số : ................\*

Loại: ..............

Chủ nhiệm nhiệm vụ:.................................................

Đơn vị : ...............................................................

**Xác nhận của Hội đồng tư vấn cấp Viện Hàn lâm KHCNVN**

|  |  |
| --- | --- |
| ... Chức danh trong Hội đồng...TS. Nguyễn Văn A | ... Chức danh trong Hội đồng...PGS. TS. Nguyễn Văn B |

.........., …./20…

*Ghi chú:*

\* Mã số được cấp sau khi có quyết định phê duyệt của Chủ tịch Viện;

**Hồ sơ thực hiện nhiệm vụ thuộc Chương trình phát triển nhóm nghiên cứu xuất sắc gồm:**

**Quyển I. Hồ sơ nhiệm vụ (do Viện Hàn lâm phê duyệt)**

Quyển I gồm các văn bản:

**-** Đơn đăng ký (mẫu 8);

**-** Thuyết minh nhiệm vụ (mẫu 9) **(không quá 30 trang)**.

- Báo cáo hoàn thiện hồ sơ đăng ký thực hiện nhiệm vụ hang I/hạng II thuộc Chương trình phát triển nhóm nghiên cứu xuất sắc.

**Quyển II. Kế hoạch triển khai (do đơn vị chủ trì nhiệm vụ phê duyệt)**

Quyển II gồm kế hoạch triển khai nhiệm vụ (mẫu 10) và các văn bản phục vụ việc xây dựng kế hoạch triển khai nhiệm vụ:

- Tóm tắt hoạt động KHCN của đơn vị đăng ký chủ trì nhiệm vụ (mẫu 11);

 - Báo cáo định hướng nghiên cứu dài hạn của nhóm nghiên cứu;

- Quyết định của đơn vị về việc công nhận nhóm nghiên cứu xuất sắc (Mẫu 1);

- Lý lịch khoa học của trưởng nhóm, các thành viên chính và chuyên gia (Mẫu 3 mẫu 4 và mẫu 4.1);

- Văn bản xác nhận của các cơ quan, cá nhân đồng ý tham gia phối hợp thực hiện nhiệm vụ (Mẫu 11A (*nếu tên cơ quan đã được đề cập trong mục “8. Hoạt động của các tổ chức phối hợp thực hiện nhiệm vụ” của Kế hoạch triển khai nhiệm vụ)* và mẫu 4.2 *(nếu tên cá nhân có trong mục “12. Danh sách các thành viên thực hiện nhiệm vụ” của Kế hoạch triển khai nhiệm vụ nhưng không phải là thành viên chính/chuyên gia và không thuộc sự quản lý của đơn vị đăng ký chủ trì nhiệm vụ*));

- Cam kết của các thành viên chính với Trưởng nhóm về việc tham gia nhóm nghiên cứu (Mẫu 5);

7/ Các văn bản khác (khả năng huy động thêm nguồn vốn, ...) (nếu có).

Hồ sơ đóng thành quyển theo thứ tự các mục như trên.

**Mẫu 16**

**BÁO CÁO ĐỊNH KỲ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ**

**I. Thông tin chung**

 1. Tên nhiệm vụ: Phát triến nhóm nghiên cứu xuất sắc (ghi rõ hạng) về ... Mã số:

 2. Chủ nhiệm:

3. Cơ quan chủ trì:

4. Thuộc Chương trình:

5. Thời gian thực hiện: từ tháng ….. năm ….….. đến tháng ….. năm ……..

6. Tổng kinh phí được phê duyệt:

- Kinh phí được phê duyệt:

- Kinh phí được cấp:

**II. Tình hình thực hiên nhiệm vụ**

1.Các nội dung công việc đã và đang thực hiện từ khi triển khai đến thời điểm 30/11/202..... *(theo tiến độ ghi trong thuyết minh nhiệm vụ mã số ... đã được phê duyệt)*.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung thực hiện***(Theo thuyết minh dự án)* | **Thời gian** | **Tình hình thực hiện***(Ghi rõ tên sản phẩm đạt được/dự kiến của công việc)* | **Kinh phí** *(tr.đ)* |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |
| **Tổng cộng** |  |

2. Các nội dung công việc tính đến ngày 30/11/202..... còn chưa triển khai *(theo tiến độ ghi trong thuyết minh đề tài ... đã được phê duyệt)*.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung thực hiện***(Theo thuyết minh dự án)* | **Thời gian** | **Lý do***(Ghi rõ lý do)* | **Kinh phí** *(tr.đ)* |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |
| **Tổng cộng** |  |

3. Các sản phẩm của nhiệm vụ tính đến ngày 30/11/202.... *(Theo mục “Kết quả dự kiến của nhiệm vụ.......” trong thuyết minh đã được phê duyệt)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên sản phẩm** | **Số lượng** | **Yêu cầu chỉ tiêu KH-KT của sản phẩm** | **Ghi chú** |
| **Theo phê duyệt** | **Thực tế đạt được** | **Theo phê duyệt** | **Thực tế đạt được** |
| **I** | **Sản phẩm nghiên cứu và phát triển công nghệ** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |
| **II** | **Công bố** |
| 1 | Công bố bài báo trên tạp chí quốc tế |  |  |  |  |  |
| 2 | Công bố bài báo trên tạp chí quốc gia |  |  |  |  |  |
| **III** | **Sở hữu trí tuệ** |
|  | ... |  |  |  |  |  |
| **IV** | **Đào tạo** |
| 1 | Hỗ trợ đào tạo thạc sỹ |  |  |  |  |  |
| 2 | Hỗ trợ đào tạo tiến sỹ |  |  |  |  |  |

4. Nhận xét đánh giá kết quả đạt được so với yêu cầu

5. Dự kiến những công việc sẽ hoàn thành trong thời gian tới

6. Tình hình sử dụng kinh phí tính đến thời điểm 30/11/20....

- Kinh phí đã được cấp đến thời điểm báo cáo: … tr.đ

- Kinh phí đã sử dụng đến kỳ báo cáo: … tr.đ. Trong đó:

+ Kinh phí đã được cơ quan quản lý phê duyệt quyết toán: … tr.đ

+ Kinh phí đang đề nghị quyết toán: … tr.đ

+ Kinh phí tạm ứng: … tr.đ

- Kinh phí chưa sử dụng: … tr.đ

7. Khó khăn vướng mắc khi triển khai

8. Kiến nghị với các cơ quan quản lý

|  |  |
| --- | --- |
| **Xác nhận của đơn vị chủ trì***(Ký, đóng dấu)* | **Chủ nhiệm đề tài mã số…***(Ký, ghi rõ họ tên)* |

**Mẫu 17**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC  |  | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM**VIỆN……..** |  | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  |  |  |
|  |   |  *……., ngày…… tháng…… năm…..*  |

**ĐƠN XIN ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG/DỰ TOÁN**

**Thực hiện nhiệm vụ thuộc Chương trình phát triển nhóm nghiên cứu xuất sắc tại Viện Hàn lâm KHCNVN**

 *Lần thứ: ………. năm:……….*

Kính gửi: Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam

1. Chủ nhiệm nhiệm vụ:

2. Đơn vị chủ trì:

3. Tên nhiệm vụ: Phát triến nhóm nghiên cứu xuất sắc (*ghi rõ hạng*) về ... Mã số:

4. Lĩnh vực KHCN:

5. Thời gian thực hiện: .... (từ ..... đến ..... )

6. Kinh phí:

- Kinh phí được duyệt:

- Kinh phí đã cấp:

7. Giải trình nội dung thay đổi:

(*Nêu rõ lý do phải thay đổi dự toán. Nếu dự toán thay đổi liên quan đến thay đổi danh mục vật tư thiết bị phải ghi rõ lý do. Trường hợp mua thêm vật tư, tài sản cố định ghi rõ đơn giá, số lượng cần mua thêm*)

**DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH NỘI DUNG CHI KHÔNG GIAO KHOÁN**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** *(theo dự toán được phê duyệt)* | **Mục chi** | **Hạng mục chi** | **Kinh phí được phê duyệt (tr.đ)** | **Kinh phí xin điều chỉnh (tr.đ)** | **Tăng (tr.đ)** | **Giảm (tr.đ)** |
|  | 6750 | Chi phí thuê tài sản trực tiếp tham gia thực hiện nghiên cứu(Thuê đất, nhà xưởng và thiết bị các loại) |  |  |  |  |
|  |  | *Nội dung được phê duyệt* |  |  |  |  |
|  |  | *Nội dung xin điều chỉnh giải trình kinh phí kèm theo* |  |  |  |  |
|  | 6800 | Chi đoàn ra |  |  |  |  |
|  |  | *Nội dung được phê duyệt* |  |  |  |  |
|  |  | *Nội dung xin điều chỉnh giải trình kinh phí kèm theo* |  |  |  |  |
|  | 6900 | Sửa chữa TSCĐ phục vụ trực tiếp NCKH cho đề tài |  |  |  |  |
|  |  | *Nội dung được phê duyệt* |  |  |  |  |
|  |  | *Nội dung xin điều chỉnh giải trình kinh phí kèm theo* |  |  |  |  |
|  | 6950 | Tài sản hữu hình |  |  |  |  |
|  |  | *Nội dung được phê duyệt* |  |  |  |  |
|  |  | *Nội dung xin điều chỉnh giải trình kinh phí kèm theo* |  |  |  |  |
|  | 7000 | Chi mua nguyên, nhiên vật liệu, vật tư, phụ tùng chưa được NN ban hành định mức kinh tế kỹ thuật |  |  |  |  |
|  |  | *Nội dung được phê duyệt* |  |  |  |  |
|  |  | *Nội dung xin điều chỉnh giải trình kinh phí kèm theo* |  |  |  |  |
|  | 7050 | Tài sản vô hình |  |  |  |  |
|  |  | *Nội dung được phê duyệt* |  |  |  |  |
|  |  | *Nội dung xin điều chỉnh giải trình kinh phí kèm theo* |  |  |  |  |
|  |  | **Tổng cộng**  |  |  |  |  |

Chủ nhiệm đề tài xin cam đoan việc điều chỉnh nội dung và kinh phí không ảnh hưởng đến kết quả khoa học, sản phẩm giao nộp và sẽ nghiệm thu nhiệm vụ đúng hạn./.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thủ trưởng đơn vị chủ trì***(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* | **Phụ trách kế toán***(Ký, ghi rõ họ tên)*  | **Chủ nhiệm đề tài***(Ký, ghi rõ họ tên)* |

**Phê duyệt của Viện Hàn lâm KHCNVN**

**Mẫu 18**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VN**VIỆN...................** |  | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***........., ngày……tháng……năm ..…*  |

**BÁO CÁO QUYẾT TOÁN**

1. Tên nhiệm vụ: Phát triển nhóm nghiên cứu xuất sắc (*ghi rõ hạng*) về.....
2. Mã số:
3. Chủ nhiệm nhiệm vụ:

4. Thuộc Chương trình phát triển nhóm nghiên cứu xuất sắc tại Viện Hàn lâm KHCNVN

5. Loại hỗ trợ:

Thời gian thực hiện: từ tháng .... năm ..... đến tháng .... năm ....

6. Kinh phí được cấp:

| **STT** | **Mục chi** | **Nội dung chi** | **Kinh phí được phê duyệt (tr.đ)** | **Kinh phí cho phép điều chỉnh (tr.đ)** | **Kinh phí quyết toán (tr.đ)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **A** |  | **Nội dung chi giao khoán (1+2+3)** |  |  |  |
| ***1*** | ***7000*** | ***Thù lao thực hiện nhiệm vụ KHCN*** |  |  |  |
| *1.1* |  | *Tiền công/Thù lao thành viên thực hiện* |  |  |  |
| *1.2* |  | *Thuê chuyên gia trong nước* |  |  |  |
| *1.3* |  | *Thuê chuyên gia ngoài nước* |  |  |  |
| ***2*** | ***7000*** | **Chi giao khoán khác** |  |  |  |
| ***3*** | ***7750*** | **Chi phí quản lý chung**  |  |  |  |
| **B** |  | **Nội dung chi không giao khoán** |  |  |  |
|  | 6750 | Chi phí thuê tài sản trực tiếp tham gia thực hiện nghiên cứu(Thuê đất, nhà xưởng và thiết bị các loại) |  |  |  |
|  | 6800 | Chi đoàn ra |  |  |  |
|  | 6900 | Sửa chữa TSCĐ phục vụ trực tiếp NCKH cho đề tài |  |  |  |
|  | 6950 | Tài sản hữu hình |  |  |  |
|  | 7000 | Chi mua nguyên, nhiên vật liệu, vật tư, phụ tùng chưa được NN ban hành định mức kinh tế kỹ thuật |  |  |  |
|  | 7050 | Tài sản vô hình |  |  |  |
|  |  | **Tổng cộng (A+B)**  |  |  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thủ trưởng đơn vị chủ trì***(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* | **Phụ trách kế toán***(Ký, ghi rõ họ tên)*  | **Chủ nhiệm nhiệm vụ***(Ký, ghi rõ họ tên)* |

**Mẫu 19**

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

**VIỆN** ..............................

⎯⎯⎯⎯⎯⎯⎯⎯⎯

**BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN**

**HỖ TRỢ NHÓM NGHIÊN CỨU XUẤT SẮC**

**Tên nhiệm vụ**

**PHÁT TRIỂN NHÓM NGHIÊN CỨU (*ghi rõ hạng*) VỀ...**

Mã số: ......................

 Loại:..............

Chương trình: Phát triển nhóm nghiên cứu xuất sắc tại Viện Hàn lâm KHCNVN

Chủ nhiệm nhiệm vụ: ....................................................

Đơn vị:..................................................................

.........., …./20.…

**Tờ bìa phụ**

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

**VIỆN ..................................................**

**BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN**

**HỖ TRỢ NHÓM NGHIÊN CỨU XUẤT SẮC**

**Tên:**

**PHÁT TRIỂN NHÓM NGHIÊN CỨU XUẤT SẮC VỀ...**

Mã số: ................

Loại: .............

Chương trình: Phát triển nhóm nghiên cứu xuất sắc tại Viện Hàn lâm KHCNVN

Chủ nhiệm nhiệm vụ:...........................................

Đơn vị : ..........................................................

**Chủ nhiệm nhiệm vụ Thủ trưởng đơn vị**

 Nguyễn Văn A Trần Văn B

.........., …./20…

**Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ gồm**:

- Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ (không quá 30 trang);

- Báo cáo về các sản phẩm nghiên cứu và phát triển công nghệ;

- Các kết quả công bố, sở hữu trí tuệ và đào tạo.

- Tóm tắt kết quả đề tài bằng tiếng Việt

- Tóm tắt kết quả đề tài bằng tiếng Anh

- Thống kê kết quả thực hiện đề tài

- Báo cáo tình hình sử dụng, quyết toán tài chính của nhiệm vụ có xác nhận của thủ trưởng đơn vị và kế toán;

- Phương án phát triển, thương mại hóa kết quả đề tài do đơn vị chủ trì đề xuất (Mẫu số 02/PA ban hành kèm theo Thông tư số 63/2018/TT-BTC ngày 30/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước);

- Hồ sơ nhiệm vụ đã được phê duyệt (bản sao);

- Các văn bản điều chỉnh có liên quan đến nhiệm vụ (nếu có);

- Biên bản họp Hội đồng tự đánh giá kết quả nhiệm vụ kèm phiếu nhận xét của 02 phản biện của Hội đồng tự đánh giá *(chỉ có khi nộp Viện Hàn lâm)*;

- Giải trình của chủ nhiệm có xác nhận của Thủ trưởng đơn vị và Hội đồng khoa học (trường hợp nộp hồ sơ muộn hơn 3 tháng sau khi kết thúc thời gian thực hiện) (nếu có) *(chỉ có khi nộp Viện Hàn lâm)*.

**Mẫu 20**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC** **VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM** |  | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Hà Nội, ngày tháng năm 202...* |

**PHIẾU NHẬN XÉT**

**Kết quả nhiệm vụ hạng I/hạng II1 thuộc Chương trình phát triển nhóm nghiên cứu xuất sắc tại Hàn lâm KHCNVN**

(*Dùng cho uỷ viên Hội đồng*)

**I. Thông tin chung**

- Tên nhiệm vụ:

- Thuộc lĩnh vực KHCN:

- Đơn vị đăng ký chủ trì:

- Cá nhân đăng ký chủ nhiệm

- Thời gian thực hiện:

**II. Thành viên hội đồng**

- Họ và tên:

- Học hàm, học vị: Chức danh trong hội đồng:

- Đơn vị công tác:

**III. Các nội dung nhận xét**

***3.1. Nhận xét về chất lượng của Báo cáo tổng hợp*** *(Đánh giá về chất lượng của Báo cáo khoa học, các bản vẽ thiết kế, tài liệu công nghệ, sản phẩm trung gian, tài liệu trích dẫn...)*

***3.2. Nhận xét về mức độ đáp ứng về sản phẩm nghiên cứu và phát triển công nghệ của đề tài so với thuyết minh đã được phê duyệt*** *(Đánh giá sản phẩm của đề tài đã đáp ứng đầy đủ/Không đầy đủ về số lượng, khối lượng, chủng loại và chất lượng so với đăng ký tại Thuyết minh được phê duyệt)*

***3.3.*** ***Nhận xét về tác động đồng thời đối với kinh tế, xã hội, môi trường*** *(đối với công tác đào tạo đội ngũ cán bộ nghiên cứu; đối với lĩnh vực khoa học có liên quan; đối với sự phát triển KT-XH*)

***3.4. Nhận xét về công bố, văn bằng sở hữu trí tuệ*** *(Đánh giá kết quả công bố của đề tài trên các tạp chí của Viện Hàn lâm KHCNVN; trên các tạp chí quốc tế; giấy chứng nhận nhãn hiệu hàng hóa, kiểu dáng; văn bằng sở hữu trí tuệ)*

***3.5. Nhận xét về hỗ trợ đào tạo*** *(Đánh giá kết quả hỗ trợ đào tạo của đề tài dựa trên văn bản xác nhận của các Cơ quan đào tạo)*

***3.6. Đánh giá về sản phẩm vượt mức*** *(Xác định sản phẩm của đề tài có chất lượng, khối lượng sản phẩm vượt mức đăng ký hoặc không nằm trong danh mục sản phẩm đăng ký của Thuyết minh đã được phê duyệt. Đề nghị ghi cụ thể tên sản phẩm)*

**IV. Nhận xét khác và kết luận của người nhận xét**

Thành viên Hội đồng

 (*Ký, ghi rõ họ tên*)

*Hướng dẫn:*

1 Chuyên viên lựa chọn một trong hai loại hình nhiệm vụ phù hợp.

2 Phiếu nhận xét là cơ sở để đơn vị chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ sửa chữa và hoàn thiện báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ.

3 Các uỷ viên phản biện có thể chuẩn bị bản nhận xét của mình trên cơ sở Phiếu nhận xét này.

**Mẫu 21**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC** **VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM** |  | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Hà Nội, ngày tháng năm 20...* |

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ**

**Kết quả nhiệm vụ hạng I/hạng II1 thuộc Chương trình phát triển nhóm nghiên cứu xuất sắc tại Hàn lâm KHCNVN**

(*Dùng cho thành viên Hội đồng nghiệm thu*)

**I. Thông tin chung**:

- Tên nhiệm vụ:

- Thuộc lĩnh vực KHCN:

- Đơn vị đăng ký chủ trì:

- Cá nhân đăng ký chủ nhiệm

- Thời gian thực hiện:

**II. Thành viên hội đồng:**

- Họ và tên:

- Học hàm, học vị: Chức danh trong hội đồng:

- Đơn vị công tác:

**III. Các tiêu chí đánh giá:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Các tiêu chí đánh giá** | **Điểm tối đa** | **Điểm đánh giá** |
| **A** | **Đánh giá chung** | **85** |  |
| **1** | ***Chất lượng của Báo cáo tổng hợp*** ***kết quả thực hiện nhiệm vụ*** và tài liệu cần thiết kèm theo (*các bản vẽ thiết kế, tài liệu công nghệ, sản phẩm trung gian, tài liệu trích dẫn...)* | ***10*** |  |
| **2** | ***Mức độ đáp ứng về sản phẩm của đề tài so với thuyết minh đã được phê duyệt* (*chấm theo 1 trong 3 phương án sau)****:*2.1. Đủ về số lượng, khối lượng, chủng loại và chất lượng như đã đăng ký: Tối đa không quá 65 điểm. - Nếu sản phẩm nghiên cứu của nhiệm vụ cảm ơn nhiều hơn 02 nguồn tài trợ, sẽ bị trừ 05 điểm/nguồn tài trợ vượt (áp dụng đối với nhiệm vụ hạng II và không áp dụng đối với sản phẩm vượt).2.2. Không đủ về số lượng, khối lượng, chủng loại và chất lượng như đã đăng ký nhưng có đủ sản phẩm nghiên cứu về số lượng theo yêu cầu của Chương trình : Tối đa không quá 40 điểm.- Nếu sản phẩm nghiên cứu của nhiệm vụ cảm ơn nhiều hơn 02 nguồn tài trợ, sẽ bị trừ 05 điểm/nguồn tài trợ vượt (áp dụng đối với nhiệm vụ hạng II và không áp dụng đối với sản phẩm vượt).2.3. Không đủ sản phẩm nghiên cứu về số lượng theo yêu cầu của Chương trình: 0 điểm- Sản phẩm nghiên cứu theo yêu cầu của Chương trình đối với nhiệm vụ hạng I/hạng II1: Quy định tại khoản 6, Điều 6 của quy định quản lý các nhiệm vụ của Chương trình. | ***65*** |  |
| **3** | ***Các tác động của kết quả đề tài*:** đối với công tác đào tạo đội ngũ cán bộ nghiên cứu; đối với lĩnh vực khoa học có liên quan; đối với sự phát triển KT-XH. | ***10*** |  |
| **B** | **Đánh giá mức độ vượt trội** | **15** |  |
| **1** | ***Hỗ trợ để đào tạo*** thành công tiến sỹ, thạc sỹ: tối đa không quá 5 điểm (*kèm bản Photocopy bằng Tiến sỹ, Thạc sỹ hoặc quyết định thành lập Hội đồng chấm luận án/luận văn kèm bảng điểm bảo vệ*) | ***5*** |  |
| **2** | ***Sản phẩm vượt mức***- Sản phẩm của nhiệm vụ có chất lượng vượt so với đăng ký: tối đa không quá 05 điểmĐề nghị ghi cụ thể tên sản phẩm:- Sản phẩm ngoài dự kiến (*tăng hơn về số lượng hoặc không nằm trong danh mục sản phẩm của Thuyết minh nhiệm vụ đã được phê duyệt*): tối đa không quá 05 điểmĐề nghị ghi cụ thể tên sản phẩm: | ***10*** |  |
|  | **Cộng:** | **100** |  |

**V. Ý kiến đánh giá khác** *(nếu có):*

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Thành viên hội đồng***(Ký, ghi rõ họ tên)* |

*Hướng dẫn:*

1 Chuyên viên lựa chọn một trong hai loại hình nhiệm vụ phù hợp.

2 Hội đồng thảo luận và thống nhất phương án chấm điểm. Nếu thành viên Hội đồng chấm sai quy định thì phiếu của thành viên đó sẽ không được tính.

3 Sản phẩm nghiên cứu phải tuân theo tiêu chí quy định tại khoản 6, Điều 6 của quy định quản lý Chương trình phát triển nhóm nghiên cứu xuất sắc tại Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-VHL ngày / /2024 của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam trong đó:

* Đối với các công trình công bố:

+ Ghi rõ tên hoặc mã số nhiệm vụ theo quy định của Viện Hàn lâm trong phần cảm ơn;

+ Tác giả chính của các công bố phải là các thành viên của nhóm nghiên cứu và phải có ít nhất 2/3 thành viên chính của nhóm nghiên cứu trong danh sách tác giả của sản phẩm nghiên cứu.

- Đối với bằng sở hữu trí tuệ:

+ Bằng sở hữu trí tuệ đã được cấp;

+ Bằng có tên, nội dung phù hợp với tên, nội dung đã đăng ký trong thuyết minh được phê duyệt;

+ Tác giả hoặc đồng tác giả của bằng phải là thành viên chính của nhóm nghiên cứu.

- Đối với các luận án, luận văn:

+ Nội dung luận án, luận văn là một phần kết quả của nhiệm vụ và phải có cam kết bằng văn bản của người viết luận án, luận văn về việc sử dụng kết quả của nhiệm vụ;

+ Cán bộ hướng dẫn hoặc người viết luận án, luận văn có tên trong danh sách những cán bộ thực hiện nhiệm vụ;

+ Tại thời điểm tổ chức đánh giá kết quả nhiệm vụ cần có quyết định giao đề tài của cơ sở đào tạo (đối với hỗ trợ đào tạo nghiên cứu sinh) hoặc cần có quyết định công nhận học viên cao học của cơ sở đào tạo (đối với đào tạo học viên cao học).

- Trường hợp sản phẩm nghiên cứu (công trình công bố/sở hữu trí tuệ) có ghi cảm ơn nhiều nhà tài trợ, chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ khác, thì sản phẩm nghiên cứu đó được chia đều cho tất cả các nhà tài trợ, chương trình, nhiệm vụ (áp dụng đối với nhiệm vụ hạng I)

4 Xếp loại:

- Đạt (từ 50 điểm trở lên), trong đó:

+ Đạt loại A (trên 90 điểm );

+ Đạt loại B (từ 75 điểm đến 90 điểm);

+ Đạt loại C (từ 50 điểm đến dưới 75 điểm).

- Không đạt (< 50 điểm)

**Mẫu 22**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC** **VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM** |  | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc*Hà Nội, ngày tháng năm 202...* |

**BIÊN BẢN TỔNG HỢP
Kết quả đánh giá xếp loại đề tài KHCN cấp Viện Hàn lâm KHCNVN**

(*Dùng cho Hội đồng nghiệm thu*)

**1. Thông tin chung**

- Tên nhiệm vụ:

- Thuộc lĩnh vực KHCN:

- Đơn vị đăng ký chủ trì:

- Cá nhân đăng ký chủ nhiệm

- Thời gian thực hiện:

**2. Kết quả kiểm phiếu**

- Tổng số phiếu:

- Tổng số điểm:

- Điểm bình quân:

**3. Xếp loại:**

- Đạt (từ 50 điểm trở lên), trong đó:

+ Đạt loại A (trên 90 điểm)

+ Đạt loại B (từ 75 điểm đến 90 điểm)

+ Đạt loại C (từ 50 điểm đến dưới 75 điểm)

- Không đạt (< 50 điểm)

|  |  |
| --- | --- |
| **Thư ký Hội đồng***(Ký, ghi rõ họ tên)* | **Chủ tịch Hội đồng** *(Ký, ghi rõ họ tên)* |